

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ LƯƠNG HẠ
(1945 - 2020)

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

355(V) 09 + 9(V)2

4462-2022

QĐND-2022

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN YẾN LẠC

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ LƯƠNG HẠ (1945 - 2020)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2022

*** Chỉ đạo nội dung:**

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY NA RÌ

*** Tổ chức thực hiện:**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN YẾN LẠC

*** Ban chỉ đạo:**

- 1. Đồng chí LÝ XUÂN TRƯỜNG** - Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn Yến Lạc - Trưởng ban.
- 2. Đồng chí BẾ THỊ UYÊN** - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy thị trấn Yến Lạc - Phó Trưởng ban
- 3. Đồng chí HOÀNG NGỌC THUYÊN** - Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Yến Lạc - Phó Trưởng ban
- 4. Đồng chí NÔNG THỊ TẮM** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Yến Lạc - Ủy viên
- 5. Đồng chí HOÀNG VĂN SU** - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn Yến Lạc - Ủy viên
- 6. Đồng chí LÝ ĐỨC THANH** - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thị trấn Yến Lạc - Ủy viên
- 7. Đồng chí NGUYỄN HOÀNG ANH** - Công chức Kế toán Ủy ban nhân dân thị trấn Yến Lạc - Ủy viên

*** Ban sưu tầm tư liệu:**

- 1. LÝ XUÂN TRƯỜNG** - Bí thư Đảng ủy thị trấn Yến Lạc
- 2. BẾ THỊ UYÊN** - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy thị trấn Yến Lạc
- 3. HOÀNG NGỌC THUYÊN** - Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Yến Lạc
- 4. NÔNG THỊ TẮM** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Yến Lạc
- 5. LÝ VIỆT ĐỨC** - Công chức Văn phòng - Thống kê thị trấn Yến Lạc.

*** Tổ biên soạn:**

- 1. BẾ THỊ UYÊN**
- 2. NÔNG THỊ TẮM**
- 3. LÝ VIỆT ĐỨC**
- 4. NGUYỄN ĐÌNH HÒA**
- 5. NGÔ MINH CHÍNH**
- 6. VŨ VĂN PHONG.**

LỜI GIỚI THIỆU

Lương Hạ (sáp nhập vào thị trấn Yến Lạc từ ngày 1.3.2020) là một xã miền núi, vùng cao, trung tâm hành chính của huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn (đến năm 1985), là nơi nhân dân có bề dày lịch sử và truyền thống văn hoá lâu đời.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Huyện ủy Na Rì, nhân dân các dân tộc xã Lương Hạ luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của quê hương và dân tộc, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 7 tháng 4 năm 2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc tăng cường và nâng cao chất lượng sưu tầm, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục Lịch sử Đảng tại Đảng bộ tỉnh, v.v.. Thông báo số 25-TB/HU ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc nhất trí chủ trương biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ cấp xã;

Công văn số 493-CV/HU, ngày 14 tháng 1 năm 2022 của Huyện ủy Na Rì về việc biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ cấp xã năm 2022; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn Yển Lạc khóa X, nhiệm kỳ 2020 - 2025; để ghi lại những trang sử vẻ vang hào hùng của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc xã Lương Hạ trong 75 năm qua; Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn Yển Lạc tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn sách: "**Lịch sử Đảng bộ xã Lương Hạ (1945 - 2020)**".

Cuốn sách là nguồn tư liệu có giá trị về lý luận và thực tiễn góp phần tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hôm nay và mai sau tiếp tục kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống lịch sử vẻ vang của Đảng bộ, của các thế hệ đi trước. Đồng thời đúc rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của Đảng bộ trong thời kỳ tiếp theo.

Trong quá trình tổ chức sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và biên soạn, Ban chỉ đạo và Tổ biên soạn đã nhận được nhiều ý kiến chỉ đạo, góp ý của các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo huyện, xã các thời kỳ và nhân chứng lịch sử, nhưng do công tác sưu tầm tài liệu khó khăn, thời gian biên soạn ngắn và khả năng thể hiện của tổ biên soạn nên cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế về nội dung và phương pháp trình bày, Ban Chấp hành Đảng bộ rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phê bình của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Đảng ủy thị trấn Yến Lạc xin chân thành cảm ơn các đồng chí cán bộ lãnh đạo của huyện và xã, nguyên lãnh đạo của huyện và xã qua các thời kỳ, các nhà nghiên cứu lịch sử Đảng, các cơ quan, Trung tâm lưu trữ của Trung ương và địa phương, cán bộ, đảng viên và nhân dân thị trấn đã tận tình giúp đỡ, cung cấp tư liệu và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cuốn sách được hoàn thành.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc!

T/M ĐẢNG ỦY THỊ TRẤN YẾN LẠC

BÍ THƯ

(Đã ký)

Lý Xuân Trường

Đúng là thì làm nên lúc sau cũng phải như thế
đồng chí của tôi cũng có thể nói là tôi cũng là một người
còn phải vì tôi cũng là một người cũng là một người
thông rất có phần. Nhưng tôi nghĩ là tôi cũng nghĩ là
điều gì cũng có thể làm được. Tôi nghĩ là tôi cũng nghĩ là
tôi là một người cũng là một người cũng là một người.

Đúng là thì làm nên lúc sau cũng phải như thế

TUYÊN CÁO CỦA ĐẢNG

ĐI THỬ

(1954)

ĐI THỬ

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

Lương Hạ¹ là một xã miền núi, vùng cao nằm liền kề với thị trấn Yên Lạc, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Đến năm 2020, xã Lương Hạ có diện tích 17,8km² (1.780ha) chiếm 2% diện tích của huyện, trong đó diện tích đất lâm nghiệp: 1.067ha; đất ruộng: 76,5ha; đất trồng màu: 40,2ha; đất công cộng khác: 65,3ha. Phía nam - đông nam giáp thị trấn Yên Lạc và xã Lam Sơn; phía đông giáp xã Kim Lư và xã Cường Lợi; phía tây giáp xã Văn Học và xã Lạng Sơn; phía bắc giáp xã Vũ Loan. Xã Lương Hạ có 8 thôn: Khuổi Nần 1, Khuổi Nần 2, Nà Sang, Nà Khun, Nà Lặng, Nà Hin, Đồn Tắm, Pò Đồn.

Địa hình tự nhiên của xã Lương Hạ rất đa dạng, mang đầy đủ đặc điểm vùng rừng núi nhiệt đới, có núi cao, rừng cây tái sinh, có nhiều suối, khe lạch đan xen với những

1. Sáp nhập vào thị trấn Yên Lạc từ ngày 1.3.2020.

cánh đồng nhỏ màu mỡ, bản làng, xóm phố trù phú. Do nằm ở thung lũng của núi cao, rừng rậm có nhiều các con suối, khe lạch nên khí hậu ở Lương Hạ khá mát mẻ, độ ẩm thích hợp với các loài thực vật, động vật nhiệt đới; nhiệt độ trung bình hằng năm từ 20-25°C; lượng mưa bình quân từ 1.000 - 1.500mm; độ ẩm trung bình từ 80 - 85%. Mùa Đông - Xuân từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, tiết trời lạnh rét, có những ngày sương mù dày đặc. Mùa Hạ - Thu từ tháng 5 đến tháng 10, thường có những cơn mưa lũ đầu nguồn, dễ xảy ra lũ quét, lũ ống gây lụt lội, sạt lở đường giao thông, v.v.. ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, lao động sản xuất của nhân dân.

Hệ thống sông suối, khe lạch ở Lương Hạ tuy không lớn nhưng khá dày đặc và phân bố tương đối đều khắp trong xã như: Sông Bắc Giang là sông lớn nhất chảy qua xã có độ dài khoảng 8km; suối Tà Pìn là suối lớn nhất chảy qua xã có độ dài khoảng 9km và nhiều suối nhỏ phụ lưu khác. Đây là nguồn tài nguyên nước thiên nhiên vô giá phục vụ đời sống sinh hoạt và lao động sản xuất của nhân dân.

Xã Lương Hạ nằm trong thung lũng thuộc vùng núi, đồi cao - đất đá, độ cao trung bình toàn xã từ 300 đến 400m so với mực nước biển. Đặc biệt ở về phía tây của xã là núi Phia Chạng có độ cao 643m so với mực nước biển. Dưới chân núi, địa phận thuộc xã Lương Hạ có động Nàng Tiên, với vẻ đẹp hoang dã, kỳ thú và cổ xưa, động Nàng Tiên đã và đang là điểm du lịch hấp dẫn thu hút đông đảo

du khách nước ngoài và trong nước đến chiêm ngưỡng, tham quan và trải nghiệm. Rải rác trên địa bàn của xã là các thung lũng nhỏ có những cánh đồng lúa, soi bãi chủ yếu là đất tụ phù sa, đây là loại đất được hình thành do các suối, khe, lạch bồi tụ hằng năm, tầng đất dày, tơi xốp thích hợp với các loài cây nông, lâm nghiệp. Độ che phủ rừng trong toàn xã chiếm trên 60% với các rừng cây tự nhiên, rừng cây tái sinh, rừng sản xuất xanh tốt quanh năm gồm nhiều loại gỗ quý như: Dổi, Sến, Nghiến, v.v.. và các loại cây dược liệu quý. Nhưng do khai thác không có kế hoạch và tập quán đốt nương làm rẫy, đến nay các loại gỗ quý hiếm còn rất ít. Đặc biệt, xã Lương Hạ là nơi tập trung đầu mối giao lưu, quan hệ thông thương kinh tế giữa các vùng miền và khu vực, có chợ trung tâm huyện khá sầm uất tiếp nhận và phân phối các loại hàng hoá từ miền xuôi lên và đưa các mặt hàng nông, lâm sản ở vùng cao về xuôi. Với những ưu đãi của điều kiện tự nhiên, xã Lương Hạ là nơi có điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, kinh tế đồi rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Trải qua những năm tháng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đến nay Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội với mức tăng trưởng trung bình tăng 5%/năm. Cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng được đầu tư, xây dựng đồng bộ, trường học, nhà trẻ, trạm xá, trụ sở làm việc và nhiều công trình phúc lợi được xây dựng khang trang,

sạch, đẹp. Hệ thống đường giao thông liên xã với các xã Lam Sơn, Lạng Sơn, Văn Học được trải nhựa, đổ bê tông và mở rộng. Đặc biệt đường Quốc lộ 3B qua thị trấn Yên Lạc đi Thất Khê, Lạng Sơn chạy qua xã khoảng 4km rất thuận lợi cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các tình huống cấp bách khác.

Theo dòng thời gian biến đổi của lịch sử trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, tên địa danh, địa giới, làng, xã, huyện, tỉnh cũng có nhiều lần đổi thay.

Từ các nguồn sử liệu cũ còn ghi chép lại, thời kỳ các Vua Hùng dựng nước, vùng đất xã Lương Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn thuộc bộ Vũ Định (1 trong 15 bộ của Nhà nước Văn Lang). Thời kỳ đất nước ta bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ, vùng đất xã Lương Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn thuộc các đơn vị hành chính: Quận Giao Chỉ, Giao Châu, Châu Long, Châu Vũ Nga¹. Thời kỳ Nhà nước phong kiến Đại Việt hùng cứ một phương, trải qua các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn vùng đất xã Lương Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn thuộc các đơn vị hành chính: Phủ, châu, trấn xứ..., tỉnh Thái Nguyên².

Cuối thế kỷ XIX, vùng đất xã Lương Hạ, huyện Na Rì thuộc tổng Lương Hạ, huyện Cẩm Hoá, phủ Thông Hoá,

1, 2. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 146, 147.

tỉnh Thái Nguyên. Tổng Lương Hạ có 6 xã: Lương Hạ, Kim Lư, Cư Lễ, Liêm Thủy, Xuân Dương, Đống Xá¹.

Đầu thế kỷ XX, ngày 11 tháng 4 năm 1900, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách phủ Thông Hoá, phần đất gồm: Châu Bạch Thông và huyện Cẩm Hoá của tỉnh Thái Nguyên để thành lập tỉnh Bắc Kạn. Phần đất huyện Cẩm Hoá được thực dân Pháp chia thành 2 châu: Na Rì và Ngân Sơn. Năm 1928, châu Na Rì có 4 tổng: Côn Minh, Lương Hạ, Lương Thượng, Yên Hân với 17 xã. Tổng Lương Hạ có 5 xã: Lương Hạ, Ân Tình, Cư Lễ, Hữu Thác, Kim Lư. Xã Lương Hạ có 423 nhân khẩu². Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 11 năm 1946, theo chủ trương của cấp trên, 2 xã Lương Hạ, Kim Lư sáp nhập thành 1 xã, gọi là xã Bình Minh. Tháng 8 năm 1953, xã Bình Minh tách làm 2 xã: Xã Kim Lư gọi là xã Thanh Bình, xã Lương Hạ gọi là xã Bình Minh. Ngày 12 tháng 5 năm 1964, theo Quyết định số 150-NV của Bộ Nội vụ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, xã Bình Minh được đổi tên gọi là xã Lương Hạ cho đến ngày nay.

Với mục đích phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; ngày 21 tháng 4 năm 1965, thực hiện Quyết định số 103/NQ-TVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, tỉnh Bắc Kạn hợp nhất với tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái,

1. *Đông Khánh Địa dư chí (1886 - 1988)*, Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 1, Nxb Bản đồ, Hà Nội, tr. 816.

2. *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb VHNT, Hà Nội, 1999, phần danh mục các làng xã Bắc Kỳ.

Na Rì là một huyện của tỉnh Bắc Thái. Ngày 6 tháng 11 năm 1996, Quốc hội khoá IX nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định tách tỉnh Bắc Thái thành 2 tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên. Xã Lương Hạ, huyện Na Rì thuộc tỉnh Bắc Kạn. Ngày 1 tháng 3 năm 2020, xã Lương Hạ sáp nhập vào thị trấn Yến Lạc theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 1 năm 2020 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn.

Là địa bàn xã miền núi, vùng cao, đi lại khó khăn nhưng do ở vị trí trung tâm huyện lỵ nên tình hình dân cư, dân tộc sinh sống trên vùng đất này khá phong phú, đa dạng. Năm 1945, xã Lương Hạ có gần 100 hộ với khoảng 600 nhân khẩu; năm 1975 có gần 200 hộ với khoảng 1.000 nhân khẩu; năm 2010 có 357 hộ với 1.557 nhân khẩu. Năm 2019, có 445 hộ với 1.811 nhân khẩu. Toàn xã có 4 dân tộc: Tày, Nùng, Dao, Kinh cùng sinh sống xen kẽ với nhau, trong đó dân tộc Tày, Nùng chiếm khoảng 70%. Đồng bào luôn đoàn kết, gắn bó với nhau trong lao động sản xuất, trong đấu tranh chống thiên tai, địch hoạ để xây dựng cuộc sống. Tính tình đồng bào thẳng thắn, chất phác, thủy chung, ưa thích hoạt động tập thể, có mối quan hệ tình cảm trong dòng họ và thôn bản rất sâu sắc. Trong cộng đồng các dân tộc ở xã Lương Hạ, mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng, điển hình như: Dân tộc Tày, Nùng thường sống ở vùng thấp, tập trung thành làng, bản, ở nhà sàn, quần áo nhuộm chàm, lương thực chủ yếu là gạo, ngô. Lễ hội lớn nhất của đồng bào là lễ hội "Lồng tồng" (xuống đồng), đồng bào thường hát Sly; dân tộc Dao hay hát giao duyên, tổ chức lễ cấp sắc cho thanh niên nam đến tuổi trưởng thành, tổ chức lễ hội cầu mùa, ở nhà đất,

quần áo nhuộm chàm nhưng thêu thùa, hoa văn sắc sỡ, phụ nữ thường dùng đồ trang sức; dân tộc Mông hay thổi khèn, múa khèn, ở nhà đất trên núi cao, quần áo nhuộm chàm, thêu hoa văn rất đẹp, lương thực chính thường là ngô, gạo, v.v.. Song tình đoàn kết, yêu thương gắn bó chặt chẽ giữa các dân tộc là truyền thống bền vững ngàn đời.

II. GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN XÃ LƯƠNG HẠ

Cùng với những giá trị truyền thống quý báu của dân tộc ta, nhân dân các dân tộc xã Lương Hạ luôn truyền thụ và nối tiếp nhau từ đời này sang đời khác xây dựng nên nhiều giá trị truyền thống lịch sử vẻ vang, trong đó giá trị truyền thống nổi bật nhất là tinh thần yêu nước, dũng cảm, ngoan cường, bất khuất, mưu trí, sáng tạo trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Từ ngày có sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, những giá trị truyền thống cao đẹp của nhân dân các dân tộc xã Lương Hạ lại càng được nhân lên gấp bội.

Kể từ đầu thế kỷ XIX, chế độ phong kiến nước ta ngày càng khủng hoảng, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi.

Đến nửa cuối thế kỷ XIX, ngày 1 tháng 9 năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Đầu năm 1888, thực dân Pháp tấn công đánh chiếm Bắc Kạn. Năm 1891, chúng cho quân đánh chiếm huyện Na Rì và xây dựng một chốt đồn binh ở phố Yên Lạc. Chúng thành lập bộ máy cai trị hành chính gồm: Châu, tổng và xã. Đứng đầu châu Na Rì là Tri châu, ở các tổng có Chánh tổng, Phó Chánh tổng.

Đối với dân tộc Dao, cấp châu có Quản Triểu và Phó Quản Triểu, cấp tổng có Chánh Mán, cấp xã có Động trưởng; đối với dân tộc Hoa chúng đặt ra chế độ Bang trưởng; đối với dân tộc Mông là Thống tra. Từ năm 1931, thực dân Pháp tổ chức Hội đồng kỳ mục ở cấp xã có từ 3 đến 5 người gồm: Lý trưởng, Phó Lý trưởng, Trương tuần và các thủ bạ... Đồng bào các dân tộc huyện Na Rì cùng một lúc chịu sự áp bức, bóc lột của bộ máy cai trị chung với bộ máy cai trị riêng (chính quyền dân tộc tự trị). Về quân sự, ở cấp Châu có Châu đoàn; ở cấp Tổng có Tổng đoàn, Phó Tổng đoàn; ở xã có Xã đoàn; các bản làng, thôn đều có lính đồng, tuần đinh.

Với bộ máy cai trị như vậy, thực dân Pháp tăng cường các thủ đoạn bóc lột, đàn áp nhân dân các dân tộc Na Rì trên mọi phương diện. Chúng dùng chính sách "chia để trị" với nhiều thủ đoạn như: Lừa bịp, gây mối hận thù giữa các dân tộc, chia rẽ người miền xuôi với người miền ngược... Chúng đặt ra nhiều thứ thuế để vơ vét, bóc lột sức người và của cải của nhân dân.

Về văn hoá - xã hội, thực dân Pháp triệt để thực hiện chính sách ngu dân, kìm hãm đồng bào ta trong vòng dốt nát, lạc hậu. Tình trạng ốm đau, bệnh tật, ăn ở mất vệ sinh của người dân là phổ biến ở các làng bản. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân Lương Hạ nói riêng và nhân dân châu Na Rì vô cùng đói khổ cùng cực mọi bề. Song, nhân dân các dân tộc xã Lương Hạ vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, lòng căm thù chế độ phong kiến, thực dân sâu sắc, cùng nhau đoàn kết, liên tục đứng lên đấu tranh chống lại sự áp bức, bóc lột của chúng. Đây là cơ sở, tiền

đề thuận lợi cho phong trào cách mạng ở châu Na Rì và xã Lương Hạ phát triển khi có sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân ta chống lại chế độ thực dân, phong kiến. Những năm 1930 - 1931 phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh đã tác động mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn.

Vào những năm 1935 - 1939, phong trào cách mạng và những hoạt động của một số tổ chức đảng ở tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn bước đầu đã tác động, ảnh hưởng tới phong trào đấu tranh của nhân dân châu Na Rì. Nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân chống thu thuế nặng nề, chống bắt phu, bắt lính, đòi cung cấp muối ăn, v.v.. đã diễn ra ở hầu hết các xã.

Năm 1939, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động lớn tác động đến phong trào cách mạng ở Bắc Kạn nói chung và ở châu Na Rì nói riêng. Ngày 1 tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Ngày 22 tháng 9 năm 1940, phát xít Nhật đang xâm lược Trung Quốc đã cho quân đánh chiếm tỉnh Lạng Sơn. Ngày 27 tháng 9 năm 1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn) bùng nổ. Cán bộ, chiến sĩ du kích Bắc Sơn và lực lượng quần chúng đã anh dũng chiến đấu tiêu diệt địch, chiếm đồn, làm chủ châu ly, tịch thu toàn bộ vũ khí và đốt hết giấy tờ, sổ sách, v.v.. của chúng, đồng thời tuyên bố xoá bỏ chính quyền thực dân phong kiến. Cuối tháng 10 năm 1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn kết thúc.

Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra đã tác động trực tiếp đến tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân trong châu cũng như đồng bào dân tộc xã Lương Hạ. Một số cơ sở cách mạng và quần chúng tích cực ở các xã Lương Hạ, Lam Sơn, Cư Lễ được xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh chống bắt lính, bắt phu, chống thu thuế nặng nề, đồng thời bí mật quyên góp lương thực, quần áo, vũ khí và thuốc men ủng hộ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn.

Cũng trong thời gian này, tháng 5 năm 1941, tại Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã xác định: “Nhiệm vụ trung tâm, chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là đánh Pháp, đuổi Nhật, giải phóng dân tộc”. Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn này. Về xây dựng lực lượng vũ trang, Hội nghị quyết định xây dựng những tổ chức tiểu tổ du kích và đề ra “Điều lệ của Việt Nam tiểu tổ du kích cứu quốc” một tổ chức quân sự rộng rãi của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh hội, gọi tắt là Việt Minh. Các tổ chức quần chúng cách mạng được đổi tên là Hội cứu quốc. Hội nghị đã lấy khu Bắc Sơn - Võ Nhai và Cao Bằng làm hai căn cứ trung tâm để xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, phát động đấu tranh vũ trang. Tiếp đó, ngày 6 tháng 6 năm 1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư kêu gọi toàn dân đoàn kết, thống nhất “đặt quyền lợi dân tộc giải

phóng lên trên hết thảy” để đánh đuổi Pháp, Nhật. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và hưởng ứng lời kêu gọi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng bào các dân tộc châu Na Rì đã tích cực tham gia phong trào Việt Minh, xây dựng lực lượng vũ trang, tích cực củng cố, xây dựng các hội cứu quốc, bảo vệ cán bộ và cơ sở cách mạng.

Từ cuối năm 1941 đến đầu năm 1942, Cao Bằng đã trở thành khu căn cứ địa cách mạng của cả nước. Các hoạt động huấn luyện, đào tạo cán bộ Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc được thành lập và đi vào hoạt động. Để nối liền căn cứ địa Cao Bằng với Thái Nguyên và toàn quốc, Trung ương Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh (từ tháng 6.1942) đã tổ chức các đội xung phong tuyên truyền cách mạng mở đường Nam Tiến từ châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng qua các châu: Ngân Sơn, Chợ Rã, Bạch Thông, Chợ Đồn nối thông với phong trào cách mạng ở Thái Nguyên và miền xuôi.

Cuối năm 1942, đầu năm 1943, trước sự phát triển của phong trào cách mạng ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ban Chấp hành Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Tiếp đó, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng cũng được thành lập.

Từ chỉ thị của Lãnh tụ Hồ Chí Minh về mở “con đường quần chúng cách mạng” từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên. Tháng 3 năm 1943, Ban xung phong Nam tiến được thành lập do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách. Đồng thời Chi bộ Ban xung phong Nam tiến (gọi tắt là

Chi bộ Nam tiến) cũng được thành lập do đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư Chi bộ.

Tháng 9 năm 1943, tại bản Duồm, xã Thượng Ân, châu Ngân Sơn, Chi bộ Nam Tiến đã tổ chức kết nạp 2 quần chúng trung kiên, tiêu biểu là: Đồng Văn Bằng, Doanh Thắng Hỷ (Doanh Hằng) người dân tộc Tày xã Thượng Ân vào Đảng. Chi bộ Nam tiến tuyên bố thành lập Chi bộ Chí Kiên và cử đồng chí Dương Mạc Hiếu - nguyên Bí thư Chi bộ xã Tam Kim, châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng làm Bí thư. Đây là tổ chức Đảng Cộng sản đầu tiên của châu Ngân Sơn và tỉnh Bắc Kạn. Sự kiện Chi bộ Chí Kiên ra đời đã trở thành nhân tố hết sức quan trọng trong phong trào đấu tranh cách mạng của tỉnh Bắc Kạn nói chung và của nhân dân các dân tộc châu Na Rì nói riêng.

Tháng 4 năm 1944, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng họp bàn chủ trương khởi nghĩa và quyết định chuẩn bị phát động khởi nghĩa giành chính quyền ở Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn.

Cuối tháng 12 năm 1944, phong trào cách mạng ở Bắc Kạn lại nhận được sự tác động trực tiếp của sự kiện lịch sử: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân gồm 34 cán bộ, chiến sĩ được thành lập ngày 22 tháng 12 năm 1944 theo Chỉ thị của Lãnh tụ Hồ Chí Minh. Ngay sau đó là hai chiến thắng hạ gọn 2 đồn Phai Khắt và Nà Ngần của quân Pháp ở huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai có nhiều chuyển biến rất thuận lợi cho lực lượng Đồng minh chống chủ nghĩa phát xít. Tại châu Á, mâu thuẫn giữa phát xít Nhật và thực dân Pháp ngày càng trở nên gay gắt. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, phát xít Nhật nổ súng tiến công quân Pháp. Ngày 12 tháng 3 năm 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng, ra Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Nội dung bản Chỉ thị kêu gọi toàn dân đẩy mạnh phong trào kháng Nhật, cứu nước tạo thời cơ giành chính quyền ở từng địa phương, xây dựng chính quyền cách mạng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Tại châu Na Rì, sau khi nhận được tin Nhật đảo chính Pháp, quân Pháp và tay sai vô cùng hoang mang lo sợ. Ngày 25 tháng 3 năm 1945, 1 trung đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Bế Sơn Cương chỉ huy từ Ngân Sơn tiến vào Na Rì. Đi đến đâu, đoàn cán bộ, chiến sĩ Giải phóng quân cũng được nhân dân đón tiếp và giúp đỡ về mọi mặt. Ngày 28 tháng 3 năm 1945, Trung đội Giải phóng quân cùng với đông đảo lực lượng quần chúng tiến vào Yên Lạc. Tên Tri châu Na Rì bỏ chạy, binh lính đồn Yên Lạc mang vũ khí đầu hàng. Lực lượng ta làm chủ châu lỵ. Ngay trong ngày 28 tháng 3 năm 1945, Giải phóng quân cùng đông đảo nhân dân tổ chức mít tinh biểu dương lực lượng, đồng thời tuyên bố xoá bỏ toàn bộ hệ thống chính quyền của địch từ châu đến xã, giải

tán binh lính, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện. Tiếp đó, được sự giúp đỡ của cán bộ, chiến sĩ Giải phóng quân, nhân dân các xã Kim Lư, Lam Sơn, Cư Lễ, Hảo Nghĩa... cũng tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân. Cuối tháng 3 năm 1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Lương Hạ được thành lập. Đến đầu tháng 4 năm 1945, toàn bộ các xã trong châu được giải phóng và thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã.

Để đáp ứng yêu cầu của phong trào cách mạng trong tình hình mới, đầu tháng 5 năm 1945, tại xã Lương Hạ và xã Cư Lễ, đồng chí Nông Công Tú, cán bộ của Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Bắc Kạn đã mở lớp huấn luyện, đào tạo cho hơn 30 cán bộ ở các xã. Nội dung học tập là về Điều lệ Việt Minh, một số kinh nghiệm vận động, tổ chức các đoàn thể cứu quốc, quản lý chính quyền, v.v.. Bên cạnh đó, một số nội dung quân sự cũng được giới thiệu cho học viên như: Chiến tranh du kích, cách đánh du kích ở miền núi, xây dựng lực lượng tự vệ, du kích. Xã Lương Hạ và một số xã gần trung tâm châu lỵ như: Kim Lư, Cư Lễ có phong trào hoạt động rất sôi nổi, quần chúng tích cực tham gia sinh hoạt các đoàn thể như: Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc. Nhiều thanh niên nam, nữ đã tích cực tham gia luyện tập quân sự, là chiến sĩ các tổ, đội tự vệ của xã. Một số thanh niên đã tham gia Giải phóng quân.

Trong điều kiện mới, phong trào cách mạng ở xã Lương Hạ tiếp tục được củng cố, xây dựng toàn diện. Mặt trận Việt Minh, các tổ chức, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền vận động, tuyển lựa quần chúng kết nạp vào các hội cứu quốc. Đội tự vệ chiến đấu được bổ sung quân số lên tới hơn 20 cán bộ, chiến sĩ. Lực lượng quần chúng các thôn, bản phấn khởi, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất, trồng lúa, ngô, khoai sắn và chăn nuôi, mua sắm vũ khí cho người thân tham gia lực lượng tự vệ.

Về phía quân Nhật, sau khi hất cẳng Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1945, quân Nhật từ Thái Nguyên kéo lên chiếm đóng thị xã Bắc Kạn. Ngày 17 tháng 3 năm 1945, từ Cao Bằng, khoảng 500 sĩ quan và binh lính Nhật theo đường Quốc lộ 3 tiến xuống Bắc Kạn và nhanh chóng thành lập bộ máy chính quyền tay sai ở cấp tỉnh, cùng các tổ chức phản động như: Tỉnh bộ Đại Việt, Thanh niên Đại Việt, Bảo an đoàn... tập hợp lính khổ xanh, lính đồng cũ cùng những tên lưu manh, côn đồ thành lập "Bảo an binh". Sau khi tạm ổn định về tổ chức, từ tỉnh lỵ Bắc Kạn, quân Nhật ráo riết điều động các sĩ quan, binh lính và quân tay sai đánh chiếm các châu.

Cũng trong thời gian này, các chiến khu Cao - Bắc - Lạng, Hà - Tuyên - Thái, lực lượng chính trị và quân sự đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Ngày 10 tháng 5 năm 1945, Lãnh tụ Hồ Chí Minh từ

Cao Bằng về Tuyên Quang, Người đã chọn vùng Tân Trào, Sơn Dương làm căn cứ chỉ đạo cách mạng trong cả nước. Sau khi nghe báo cáo vùng giải phóng của ta đã bao gồm phần lớn các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Người chủ trương thành lập một khu căn cứ lấy tên là Khu Giải phóng Việt Bắc. Ngày 4 tháng 6 năm 1945, Khu Giải phóng Việt Bắc được thành lập, được xây dựng về: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội theo 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh.

Từ những chủ trương của Khu Giải phóng và được sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban cách mạng lâm thời và Ban Chấp hành Việt Minh châu, Ban Chấp hành Việt Minh các xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, động viên nhân dân và lực lượng vũ trang bảo vệ và xây dựng địa phương về mọi mặt. Cuối tháng 7 năm 1945, Hội nghị cán bộ để bầu ra Ủy ban nhân dân châu theo nguyên tắc bầu cử được tổ chức tại Yến Lạc, Lương Hạ. Hội nghị đã nhất trí bầu ra Ủy ban nhân dân châu Na Rì, do đồng chí Bế Sĩ Văn làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Công Nấn làm Phó Chủ tịch và các đồng chí ủy viên: Lý Văn Đăng, Nông Văn Thi, Hoàng Văn Khải, Nông Văn Hà, Hoàng Văn Dìu. Đồng chí Nông Văn Thi được cử làm Ủy viên phụ trách quân sự. Tiếp theo đó, Ủy ban nhân dân các xã cũng được thành lập theo nguyên tắc bầu cử. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân châu, Ủy ban nhân dân xã Lương Hạ bước đầu đã thực hiện tốt chức năng quản lý, điều hành, xây

dựng địa phương về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, các đoàn thể quần chúng như: Thanh niên, phụ nữ, nông dân, phụ lão cứu quốc, v.v.. được tổ chức và đẩy mạnh các hoạt động. Nhân dân và lực lượng tự vệ, du kích hăng hái thi đua tăng gia sản xuất, thực hiện nếp sống mới và sự bình đẳng giữa các dân tộc, nam nữ bình quyền, lực lượng vũ trang xã được củng cố, kiện toàn, biên chế tổ chức thành một trung đội với gần 40 cán bộ, chiến sĩ. Về huấn luyện quân sự, được sự hướng dẫn, giúp đỡ của cán bộ Giải phóng quân, Trung đội tự vệ xã Lương Hạ được học tập các hình thức chiến thuật phục kích, tập kích, xây dựng các trận địa phục kích, hệ thống báo động, truyền tin bằng mõ, tù và, chạy bộ được thành lập theo các trạm có khoảng cách từ 3-5km từ Lam Sơn về tới phố Yến Lạc nhằm thông báo kịp thời về tình hình địch.

Mùa thu năm 1945, trong khi phong trào cách mạng trong toàn quốc đang chuyển thành cao trào kháng Nhật cứu nước, giải phóng dân tộc thì cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Ngày 14 tháng 8 năm 1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Chớp lấy thời cơ, từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ngày 16 tháng 8 năm 1945, Đại hội quốc dân đã họp, biểu quyết quy định Quốc ca, Quốc kỳ, thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh và bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng,

do Lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngay sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Giữa tháng 8 năm 1945, quân Nhật nhận được tin Nhật Hoàng đầu hàng quân Đồng minh, đã vội vã tập trung về thị xã Bắc Kạn. Cùng lúc đó, nhiều đơn vị tự vệ, du kích vũ trang Ngân Sơn, Na Rì, Bạch Thông đã phối hợp với lực lượng Giải phóng quân cấp tốc hành quân tiến về bao vây quân Nhật ở thị xã Bắc Kạn. Trước sức mạnh và tinh thần sục sôi ý chí chiến đấu của các đơn vị Giải phóng quân, tự vệ, du kích vũ trang và lực lượng quần chúng, ngày 21 tháng 8 năm 1945, lực lượng quân Nhật và bè lũ tay sai phản động ở thị xã Bắc Kạn phải nộp vũ khí, trang bị và xin đầu hàng. Ngày 23 tháng 8 năm 1945, toàn bộ quân Nhật do lực lượng cách mạng áp giải từ Bắc Kạn về Thái Nguyên.

Cùng ngày, tại Phủ Thông, Bạch Thông, Hội nghị cán bộ của Tỉnh ủy lâm thời, Tỉnh bộ Việt Minh, chỉ huy Giải phóng quân và các huyện với sự có mặt của 30 đại biểu, đại diện cho các tổ chức cách mạng của quần chúng đã bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Bắc Kạn do đồng chí Nông Văn Lạc làm Chủ tịch.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, tại sân vận động thị xã Bắc Kạn, hàng nghìn nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Bắc Kạn hân hoan, phấn khởi dự cuộc mít tinh

chào mừng ngày Bắc Kạn được giải phóng. Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh ra mắt trước đông đảo quần chúng và tuyên bố “xoá bỏ toàn bộ chính quyền tay sai của địch ở tất cả các cấp”.

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, với đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng trong tổ chức, xây dựng lực lượng chính trị, quân sự, kinh tế và tập hợp quần chúng, trong chỉ đạo và nắm bắt thời cơ, cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã giành được thắng lợi hoàn toàn trong phạm vi cả nước. Chính quyền cách mạng của nhân dân được thiết lập từ Trung ương đến cơ sở, điều hành, quản lý toàn bộ lãnh thổ.

Ở Na Rì, một vùng đất có truyền thống yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí đấu tranh kiên cường và bất khuất của nhân dân, kể từ khi có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên được thành lập vào mùa thu năm 1943 tại xã Thượng Ân, tổ chức đảng đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn được thành lập. Dưới ánh sáng cách mạng và sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc châu Na Rì nói chung và nhân dân xã Lương Hạ nói riêng đã luôn đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, gian nan, thử thách và hy sinh để xây dựng cơ sở cách mạng, xây dựng lực lượng chính trị, quân sự, kinh tế - xã hội.

Bước vào thời kỳ tiền khởi nghĩa, trên cơ sở lực lượng chính trị, quân sự và trận địa lòng dân được củng cố vững

chắc, được sự chỉ đạo huấn luyện của Trung đội Giải phóng quân, lực lượng tự vệ, du kích và quần chúng cách mạng trong xã đã nổi dậy xoá bỏ bộ máy chính quyền của địch. Tháng 3 năm 1945, chính quyền cách mạng lâm thời xã Lương Hạ được thành lập.

Phát huy thắng lợi vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc xã Lương Hạ ra sức củng cố, xây dựng các tổ chức chính trị và lực lượng tự vệ vũ trang ngày càng vững mạnh, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sẵn sàng cùng với nhân dân các dân tộc trong châu và tỉnh Bắc Kạn bước vào giai đoạn cách mạng mới.

Chương II

THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, hơn 50 vạn nhân dân Hà Nội và các tỉnh lân cận cùng với lực lượng Giải phóng quân, tự vệ vũ trang hàng ngũ chỉnh tề tham dự lễ mít tinh chào mừng thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng khởi nghĩa và sự kiện thành lập Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Song, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vừa mới ra đời đã phải đương đầu với một tình thế hết sức nghiêm trọng. Nền kinh tế nghèo nàn và lạc hậu, hơn 95% dân số mù chữ, các tàn dư tệ nạn xã hội cũ để lại gây cho chính quyền cách mạng ở các cấp gặp muôn vàn khó khăn; đặc biệt hậu quả của nạn đói năm 1945 vẫn tiếp tục hoành hành, thiên tai liên tiếp đe dọa.

Trong khi đó, ở miền Nam, đầu tháng 9 năm 1945, hơn 1 vạn quân đội Anh quốc với danh nghĩa là lực lượng Đồng minh vào giải giáp quân Nhật đã kéo theo quân Pháp vào và ra sức giúp chúng cướp lại nước ta. Ở miền Bắc, từ cuối tháng 8 năm 1945, hơn 20 vạn quân Tưởng dưới danh nghĩa là lực lượng Đồng minh vào giải giáp quân Nhật đã tăng cường các hoạt động phá hoại và âm mưu lật đổ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà. Bên cạnh đó, dựa vào thế lực quân xâm lược, các tổ chức, phe phái phản động trong nước ra sức phá hoại cách mạng. Vận mệnh Tổ quốc như ngàn cân treo sợi tóc!

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối chiến lược cách mạng đúng đắn; chủ trương khôn khéo, triệt để lợi dụng mâu thuẫn của kẻ thù, phân hoá kẻ thù để đối phó; tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng toàn diện sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực xâm lược và phản động.

Ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ và đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách, khái quát là: Diệt “giặc đói”, “giặc dốt” và giặc ngoại xâm. Tiếp đó, ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban Chấp Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”, trong đó xác định kẻ thù chính của ta lúc này là: “Thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”. Nhiệm vụ trước mắt là: Củng cố chính quyền nhân dân, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.

I. QUÂN VÀ DÂN XÃ LƯƠNG HẠ, BÌNH MINH
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1945 - 1947)

Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nhiệm vụ xây dựng, củng cố, giữ vững chính quyền cách mạng, xây dựng các đoàn thể, xây dựng lực lượng vũ trang có tầm quan trọng đặc biệt đối với phong trào cách mạng ở Na Rì nói chung và ở xã Lương Hạ nói riêng. Vì vậy, căn cứ vào tình hình thực tế phong trào cách mạng ở Na Rì, nhất là từ đầu năm 1946, được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy lâm thời; Ủy ban nhân dân châu đã tăng cường chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã tuyên truyền, tổ chức Giải phóng quân, các đoàn thể, lực lượng tự vệ và nhân dân đoàn kết, nêu cao cảnh giác, kiên quyết bảo vệ, giữ vững thành quả Cách mạng Tháng Tám.

Thực hiện Sắc lệnh số 14/SL ngày 8 tháng 9 năm 1945 của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà về Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, xã. Ngày 6 tháng 1 năm 1946, cùng với các cử tri trong cả nước, hơn 90% các cử tri Na Rì với những bộ quần áo thổ cẩm, áo chàm đẹp nhất, phấn khởi tràn đèo, lội suối đến nhà Cứu quốc xã bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khóa I. Tiếp theo đó, các cử tri châu Na Rì lại hăng hái đi bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã (theo quy định không bầu cấp huyện). Tháng 5 năm 1946, Hội đồng nhân dân xã đã bầu ra Ủy ban hành chính xã thay cho Ủy ban nhân dân xã được bầu trước Cách mạng Tháng Tám

năm 1945. Thời kỳ này châu Na Rì có 6 xã: Đồng Xuân, Quang Phong, Trung Thành, Văn Vũ, Lương Thượng và Bình Minh. Tháng 10 năm 1946, Hội nghị đại biểu Hội đồng nhân dân các xã của châu Na Rì được tổ chức tại Yến Lạc, xã Bình Minh bầu ra Ủy ban hành chính châu gồm 5 đồng chí: Nguyễn Công Nấn, Lâm Ngọc Tinh, Bế Sĩ Văn, Lý Văn Đăng, Nông Văn Thi, do đồng chí Nguyễn Công Nấn làm Chủ tịch, đồng chí Lâm Ngọc Tinh làm Phó Chủ tịch. Cuối tháng 12 năm 1946, do yêu cầu của cuộc kháng chiến, theo sắc lệnh của Chính phủ, Ủy ban bảo vệ của các cấp được thành lập. Song song với việc xây dựng củng cố bộ máy chính quyền cách mạng và các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội, nhiệm vụ xây dựng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trở nên rất cấp thiết đối với quân và dân châu Na Rì.

Giữa năm 1946, đồng chí Nông Văn Quang, một đảng viên xuất sắc trong đoàn quân Nam tiến được Tỉnh ủy Bắc Kạn giao nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ châu Na Rì. Ngày 15 tháng 8 năm 1946, tại phố Yến Lạc, xã Bình Minh, đồng chí Nông Văn Quang đã tổ chức buổi lễ kết nạp lớp đảng viên đầu tiên ở châu Na Rì cho 3 đồng chí: Nông Viết Hoàn, Lục Văn Tra, Vi Văn Xương. Đồng chí Nông Viết Hoàn được giao nhiệm vụ làm Tổ trưởng Đảng. Tháng 10 năm 1946, chi bộ đầu tiên của châu Na Rì được thành lập, do đồng chí Nông Viết Hoàn làm Bí thư Chi bộ. Tháng 12 năm 1946, đồng chí Nông Viết Hoàn được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy lâm thời châu Na Rì.

Cùng với việc củng cố, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể và lực lượng tự vệ, du kích, Ủy ban hành chính và Ủy ban bảo vệ xã đã tăng cường các biện pháp chỉ đạo, tổ chức nhân dân đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ cấp bách về kinh tế - xã hội nhằm bồi dưỡng sức dân và xây dựng thực lực cách mạng ở địa phương theo Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Chống “giặc đói” là nhiệm vụ cấp bách và to lớn của chính quyền cách mạng ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, cuộc đấu tranh giải quyết nạn đói lúc này không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn có ý nghĩa sâu sắc, thiết thực về chính trị, quân sự của một nhà nước mới giành được độc lập. Vì vậy, trong thư gửi nhà nông cuối tháng 12 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi “Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa! đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập. Hỡi anh em nhà nông, tiến lên! tiến lên!”¹.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời và chính quyền cách mạng châu Na Rì, dưới sự tổ chức, điều hành của Ủy ban và Ban Chấp hành Việt Minh xã, cùng với đông đảo các tầng lớp nhân dân, lực lượng cán bộ, chiến sĩ du

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 115.

kích và thanh niên nam, nữ đã thực sự phát huy vai trò nòng cốt, tích cực khai hoang, phục hoá làm nương rẫy, làm thủy lợi, mở rộng diện tích gieo trồng với khẩu hiệu “Tắc đất, tắc vàng”. Chỉ trong vòng 4 tháng cuối năm 1945, hàng chục mẫu ruộng, nương rẫy, bãi trồng hoa màu ngắn ngày ở xã Lương Hạ được thu hoạch đã góp phần ổn định đời sống nhân dân trong xã. Năm 1946, diện tích trồng lúa, ngô, khoai, sắn, rau màu đều tăng. Sản lượng lương thực quy ra thóc đạt trên 50 tấn. Tổng đàn gia súc toàn xã có trên 200 con, gia cầm các loại trên 500 con; năm 1947, sản lượng lương thực quy ra thóc đạt gần 30 tấn, đàn gia súc, gia cầm tăng lên gần 700 con các loại. Đời sống vật chất của nhân dân cơ bản ổn định. Đây là thắng lợi to lớn của cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Bình Minh sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng thời khẳng định tính ưu việt của chế độ mới.

Trên mặt trận diệt “giặc đốt”, ngày 8 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ, đồng thời phát động phong trào chống mù chữ trong toàn dân. Tại Na Rì, dưới sự chỉ đạo của chính quyền các cấp và Ty bình dân học vụ tỉnh Bắc Kạn, phong trào diệt “giặc đốt”, xây dựng đời sống mới ở Na Rì đã trở thành phong trào quần chúng rộng khắp địa phương. Đầu năm 1946, Ban Bình dân học vụ châu được thành lập do đồng chí Nguyễn Công Việt làm Trưởng ban, các tổ chức chính quyền, đoàn thể đều quán triệt sâu sắc nhiệm vụ diệt “giặc đốt” cho toàn thể cán bộ, mặt trận, các đoàn thể

và lực lượng vũ trang. Đồng thời xác định đây là nhiệm vụ cấp thiết, cần được tiến hành ngay trong mọi tầng lớp nhân dân. Với quyết tâm tiêu diệt “giặc dốt” trong toàn dân theo phương châm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Những người biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ, chống giặc dốt cũng như chống giặc ngoại xâm”. Phong trào học tập xoá nạn mù chữ ở Bình Minh được chính quyền, đoàn thể triển khai rộng khắp các làng bản, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, đủ các lứa tuổi từ già đến trẻ, đến các lớp học. Thanh niên nô nức đến lớp học chữ, học hát những bài hát cách mạng. Đội ngũ giáo viên là một số cán bộ trong xã rất nhiệt tình dạy mọi người học chữ, v.v.. Nhờ vậy, phong trào diệt “giặc dốt” ở Bình Minh đạt nhiều kết quả tốt. Tính đến hết năm 1946, 70% dân số ở Bình Minh đã biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ thông thường; số thanh niên là cán bộ, chiến sĩ du kích đã biết viết, đọc khá thông thạo (năm 1946 dân số Bình Minh có khoảng 700 nhân khẩu). Điển hình trong phong trào xoá nạn mù chữ là đồng bào các thôn: Phố Yến Lạc, các thôn Khuổi Nần, Phiêng Chang.

Cùng với diệt “giặc dốt”, Ban Văn hoá thông tin xã đã chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể vận động nhân dân xây dựng đời sống mới vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm; tình trạng làm ma to, cưới lớn, đóng góp nặng nề trong hội hè, đình đám giảm bớt, nạn nghiện hút, trộm cắp không còn xảy ra như trước Cách mạng Tháng Tám. Các sinh hoạt giao lưu văn hoá, văn nghệ phát triển khá sôi

nổi, nhất là trong thanh niên. Phong trào vệ sinh đường làng, lối xóm, vệ sinh nhà ở luôn được chú ý quét dọn sạch sẽ. Cuộc sống vui tươi lành mạnh, không khí phấn khởi trong lao động sản xuất, sinh hoạt đoàn thể, xây dựng đời sống mới từng bước được phát triển làm thay đổi hẳn bộ mặt vùng nông thôn miền núi ở Bình Minh.

Trên mặt trận chống giặc ngoại xâm, sau Cách mạng Tháng Tám, ở miền Bắc, trong lúc nhân dân ta đang tập trung mọi nỗ lực để giải quyết những nhiệm vụ cấp bách thì ở miền Nam, ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp núp bóng quân Anh, đại diện quân Đồng minh vào giải giáp vũ khí của quân Nhật, nổ súng đánh chiếm Sài Gòn thực hiện âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng, Chính phủ quyết định huy động sức người, sức của chi viện cho miền Nam chiến đấu.

Quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, phong trào ủng hộ quân và dân Nam Bộ chiến đấu đã bùng lên mạnh mẽ ở khắp nơi trên toàn quốc.

Tại Na Rì, phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến đã trở thành cuộc vận động chính trị rộng lớn trong toàn dân. Được sự chỉ đạo, tổ chức của chính quyền cách mạng, châu Na Rì, nhân dân và lực lượng tự vệ một số xã đã tổ chức mít tinh lên án hành động xâm lược của thực dân Pháp. Hàng trăm thanh niên trong châu hăng hái đến các phòng Nam Bộ ghi tên xung phong tham gia nhập các

đoàn quân Nam tiến vào Nam Bộ. Hàng nghìn quần chúng đã đóng góp tiền bạc, quần áo, chăn màn, thuốc men, v.v.. gửi cho đồng bào miền Nam.

Như vậy, sau hơn một năm sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chính quyền, Mặt trận Việt Minh châu, nhân dân và lực lượng vũ trang trong xã đã đoàn kết, phấn đấu đạt được nhiều kết quả về kinh tế - xã hội, về xây dựng lực lượng vũ trang, góp phần giữ vững và ổn định tình hình an ninh chính trị ở địa phương, tạo tiền đề quan trọng về tiềm lực kinh tế - xã hội, chính trị, quân sự để quân và dân xã Bình Minh vững vàng, tự tin bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp ngày càng tăng cường các hoạt động quân sự đánh chiếm các tỉnh trên 3 miền Bắc, Trung, Nam. Trước tình hình đó, ngày 19 tháng 10 năm 1946, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư chủ trì đã nhận định "Nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định đánh Pháp". Tiếp đó, ngày 18, 19 tháng 12 năm 1946 Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã phân tích, đánh giá tình hình khả năng hoà hoãn không còn nữa. Hội nghị quyết định phát động toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên quy mô cả nước.

Đêm 19 tháng 12 năm 1946, toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngày 20 tháng 12 năm 1946, Đài Tiếng nói Việt Nam phát đi lời kêu gọi

“Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 22 tháng 12 năm 1946, Ban Thường vụ Trung ương ra chỉ thị “Toàn quốc kháng chiến”. Bản chỉ thị nêu rõ mục đích cuộc kháng chiến là đánh thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập và thống nhất toàn quốc, đường lối kháng chiến là toàn dân, toàn diện. Phương châm tác chiến là dùng du kích chiến, vừa chiến đấu vừa xây dựng, phát triển lực lượng kháng chiến toàn dân, kháng chiến trường kỳ, vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Cuối năm 1946, Trung ương Đảng quyết định chia cả nước thành 12 chiến khu hành chính và quân sự. Tỉnh Bắc Kạn thuộc Chiến khu 1 có Trung đoàn 23 Bắc Kạn và lực lượng vũ trang 5 châu làm nòng cốt trong phong trào toàn dân đánh giặc.

Tại xã Bình Minh, được sự lãnh đạo của Châu ủy, Ủy ban hành chính và Ủy ban bảo vệ, các tổ chức đoàn thể họp bàn đề ra nội dung, phương hướng cụ thể tổ chức quân và dân trong xã tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xây dựng lực lượng chính trị, quân sự và kinh tế. Các đồng chí cán bộ luôn đi đầu, gương mẫu trong mọi hành động cùng cán bộ của các tổ chức đoàn thể ở từng thôn bản tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, động viên nhân dân bình tĩnh, tự tin, chủ động, tích cực lao động sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm đời sống sinh hoạt và tích trữ lương thực ủng hộ kháng chiến, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Bước sang năm 1947, trước tình hình lực lượng vũ trang ngày càng phát triển, ngày 22 tháng 1 năm 1947,

Bộ Quốc phòng ra Nghị định số 216/NĐ quy định tổ chức ở mỗi chiến khu. Tháng 3 năm 1947, Chính phủ quyết định thành lập các Ban Chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội trực thuộc Ủy ban kháng chiến các cấp. Tháng 11 năm 1947, Châu đội Na Rì được thành lập do đồng chí Hoàng Doanh Lợi - Châu ủy viên làm Châu đội trưởng. Tiếp đó, các xã đội cũng được thành lập. Tại thời điểm này, thực lực quân sự ở xã Bình Minh có 1 trung đội dân quân du kích bán tập trung với gần 40 cán bộ, chiến sĩ và 2 trung đội dân quân du kích rộng rãi với khoảng gần 100 cán bộ, chiến sĩ ở các thôn bản. Chính quyền xã đã tích cực động viên, khuyến khích anh em dân quân du kích chủ động tự chế súng kíp, đạn ghém, thuốc nổ bằng nguyên liệu tại địa phương, mua sắm thêm vũ khí để tăng thêm sức mạnh chiến đấu của đơn vị. Về huấn luyện quân sự, được sự giúp đỡ của Ban Chỉ huy Châu đội, cán bộ, chiến sĩ, dân quân du kích xã Bình Minh được huấn luyện kỹ thuật bắn súng, ném lựu đạn, đánh bom mìn, làm bẫy đá, về một số loại hình chiến thuật quân sự, về xây dựng làng xã chiến đấu, v.v..

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Châu ủy và Ban phá hoại châu, Ủy ban hành chính, Ủy ban bảo vệ, xã đội, các tổ chức đoàn thể ở Bình Minh đã khẩn trương, nhanh chóng triển khai theo hướng dẫn của cấp trên. Ban phá hoại xã đã phối hợp với lực lượng dân quân du kích

và nhân dân phố Yến Lạc cùng các xóm ở ven đường triệt để thực hiện khẩu hiệu “vườn không nhà trống”, người già, trẻ nhỏ, lương thực, thực phẩm, tài sản được tản cư sâu vào trong rừng... Đồng bào đã chủ động tạo nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ sẵn sàng cung cấp cho bộ đội, du kích. Những người ở lại tích cực đào hầm hào trú ẩn, phòng tránh máy bay địch bắn phá, cất giấu lương thực, thực phẩm. nếp sống, tác phong quân sự hoá được thực hiện khá tốt trong các tầng lớp nhân dân. Tất cả các thôn bản, đều có kế hoạch phòng gian giữ bí mật, mọi người dân đều thực hiện triệt để khẩu hiệu ba không (không biết, không nghe, không thấy).

Bên cạnh những hoạt động sẵn sàng chiến đấu, tăng gia sản xuất, quân và dân xã Bình Minh còn tích cực thực hiện các phong trào ủng hộ kháng chiến như: Lập quỹ nuôi quân, hũ gạo kháng chiến, mùa đông binh sĩ. Để ủng hộ bộ đội, dân quân du kích, nhiều gia đình ở các thôn còn bán cả trâu, lợn, gà lấy tiền mua vũ khí, quần áo, thuốc men ủng hộ dân quân du kích, bộ đội. Tính đến tháng 9 năm 1947, quân và dân xã Bình Minh đã tiết kiệm và đóng góp được hơn 10 tấn gạo, ủng hộ dân quân du kích từ 2 đến 3 tấn gạo và thực phẩm. Ngoài ra, nhân dân còn xây dựng được một số kho dự trữ có từ 3 đến 4 tấn gạo, hơn 20 con trâu, bò, lợn đảm bảo để chính quyền, các đoàn thể và lực lượng vũ trang hoạt động.

Như vậy, kể từ ngày toàn quốc kháng chiến đến cuối tháng 9 năm 1947, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của

Châu ủy và chính quyền châu, quân và dân xã Bình Minh đã khắc phục khó khăn, phấn đấu đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Công tác xây dựng chính quyền, các đoàn thể quần chúng được củng cố và hoạt động hiệu quả, chế độ dân chủ nhân dân từng bước được thực hiện có chất lượng trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Lực lượng vũ trang được chăm lo, xây dựng và phát triển cả về số lượng, chất lượng đã trở thành chỗ dựa tin cậy của chính quyền và nhân dân.

II. CHI BỘ XÃ BÌNH MINH ĐƯỢC THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1947 - 1954)

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Việt Bắc - quê hương của Cách mạng Tháng Tám, Khu giải phóng cũ trở thành căn cứ địa kháng chiến của cả nước. Đầu năm 1947, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã di chuyển lên vùng núi Việt Bắc và lấy Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn làm trung tâm căn cứ địa để lãnh đạo quân và dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định "Cách mạng đã do Việt Bắc mà thành công thì kháng chiến sẽ do Việt Bắc mà thắng lợi"¹.

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 206.

Về phía thực dân Pháp, với bản chất hiếu chiến và xâm lược, chúng tiếp tục âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh, mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra nhiều tỉnh, vùng trên phạm vi cả nước. Thu - Đông năm 1947, thực dân Pháp liền lĩnh mở cuộc tiến công chiến lược trên quy mô lớn nhất từ trước tới nay lên căn cứ địa Việt Bắc bằng cả đường bộ, đường không và đường sông. Từ ngày 7 tháng 10 đến ngày 22 tháng 12 năm 1947, quân Pháp tập trung hơn 12.000 quân, 800 xe cơ giới, 40 máy bay, hàng trăm khẩu pháo, súng cối, v.v.. do viên Trung tướng Xalăng chỉ huy chia làm 3 hướng tấn công lên Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não tối cao và bộ đội chủ lực của ta, chặn đường tiếp tế và liên lạc của ta với nước ngoài, phá hoại kinh tế và tàn sát nhân dân vùng căn cứ địa kháng chiến.

Mở đầu cuộc tấn công lên Việt Bắc, sáng sớm ngày 7 tháng 10 năm 1947, 1.200 quân dù thiện chiến của thực dân Pháp nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn hòng “bắt gọn Chính phủ kháng chiến”. Cùng ngày, 7.000 sĩ quan, binh lính Pháp từ Lạng Sơn sang Cao Bằng, sau đó đi theo Quốc lộ 3 xuống đánh chiếm thị xã Bắc Kạn. Ngày 8 tháng 10 năm 1947, chúng thả tiếp 4 đại đội quân dù đánh chiếm châu lỵ Chợ Đồn. Ngày 9 tháng 10 năm 1947, hơn 2.000 sĩ quan, binh lính theo đường sông Hồng, sông Lô lên đánh chiếm thị xã Tuyên Quang. Cũng trong thời gian này, châu Na Rì là vùng sâu, vùng xa, nơi không có chiến sự xảy ra trở thành hậu phương và là vùng tự do, dưới sự lãnh đạo của Châu ủy và Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính

châu, quân và dân Na Rì đã tăng cường các biện pháp đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng địa phương về chính trị, kinh tế - xã hội, trong đó Châu ủy đã hết sức chú trọng nâng cao chất lượng các tổ chức đảng, đồng thời mở rộng và xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong toàn châu.

Tại xã Bình Minh, căn cứ vào số đảng viên hiện có trên địa bàn xã, khoảng tháng 10 năm 1947, Châu ủy Na Rì quyết định thành lập Chi bộ xã Bình Minh (Lương Hạ và Kim Lư), với khoảng hơn 10 đảng viên. Cấp ủy có 3 đồng chí: Đến cuối năm 1947, đầu năm 1948, Đảng bộ Na Rì có 7 chi bộ với 88 đảng viên (1 chi bộ ở các cơ quan huyện và 6 chi bộ xã). Tuy mới thành lập nhưng Chi bộ xã Bình Minh được Châu ủy đánh giá là chi bộ hoạt động khá.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến hành chính xã và sự chỉ đạo, chỉ huy của cán bộ, quân và dân xã Bình Minh đã khẩn trương di chuyển người già, phụ nữ, trẻ nhỏ cùng các loại lương thực, thực phẩm, trâu, bò, dê, v.v.. vào trong rừng sâu. Trung đội dân quân du kích của xã nhanh chóng triển khai đội hình chiếm lĩnh các trận địa phục kích ở Khuổi Nằn, Nà Khun, tạo thêm các chướng ngại vật, sẵn sàng nổ súng đánh địch. Lực lượng phục vụ chiến đấu chuẩn bị lương thực, thực phẩm theo kế hoạch, sẵn sàng lên đường tiếp ứng cho bộ phận chiến đấu và các đơn vị bạn theo kế hoạch hiệp đồng. Một bộ phận dân quân du kích tổ chức canh gác và cùng nhân dân tranh thủ cả ngày lẫn đêm thu hoạch vụ mùa, gặt đến đâu, phơi sấy khô, quạt sạch đến đó và

đem cất giấu, thực hiện “vườn không nhà trống”. Mọi hoạt động trong xã đều tập trung bảo đảm cho công tác sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Về phía thực dân Pháp, sau hơn 2 tháng tiến công lên căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, quân Pháp không thực hiện được mục tiêu nào, ngược lại chúng đã bị quân và dân Việt Bắc cùng các đơn vị chủ lực giáng cho chúng những đòn trừng trị đích đáng bằng Chiến dịch phản công Việt Bắc (7.10 - 20.12.1947), kết quả: Toàn bộ chiến dịch, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 quân Pháp, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến và ca nô, phá huỷ 100 khẩu súng pháo, cối, hàng nghìn súng, hàng trăm xe quân sự, thu hàng chục tấn chiến lợi phẩm. Đây là một thất bại nặng nề về quân sự và chính trị của thực dân Pháp, là thắng lợi to lớn của quân và dân ta.

Bước sang năm 1948, sau khi bị thất bại nặng nề trong chiến dịch tiến công lên Việt Bắc, thực dân Pháp buộc phải thay đổi chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” sang chiến lược đánh kéo dài “dùng người Việt đánh người Việt”; “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Về phía ta, sau chiến thắng oanh liệt trong chiến dịch phá tan cuộc tiến công của địch lên Việt Bắc. Từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 1 năm 1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị mở rộng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của Chiến thắng Việt Bắc và đề ra nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc trong thời kỳ mới. Để phù hợp với tình hình phát triển của cuộc kháng chiến, ngày 25 tháng 1

năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Sắc lệnh số 120/SL tổ chức tại các khu trong cả nước, theo đó Khu 1 và Khu 12 hợp nhất thành Liên khu 1. Tỉnh Bắc Kạn thuộc Liên khu 1.

Trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, ngay từ đầu năm 1948, quân địch đã điều chỉnh lực lượng chiếm đóng 5 vị trí quan trọng tạo thành tuyến phòng thủ án ngữ trục Quốc lộ 3 là: Thị xã Bắc Kạn, ngã ba Phủ Thông, ngã ba Nà Phặc, phố Ngân Sơn và phố Bằng Khẩu. Ngoài ra chúng còn chiếm đóng một số điểm khác thuộc châu Bạch Thông, châu Chợ Rã. Tổng số quân Pháp có khoảng 1.500 sĩ quan và binh lính; khoảng 300 lính ngụy và hàng trăm thổ phỉ hoạt động ở vòng ngoài. Chúng tăng cường các hoạt động xây dựng, củng cố chính quyền tay sai, tiến hành các cuộc tàn sát, cướp bóc lương thực, thực phẩm. Trước tình hình đó, thực hiện sự chỉ đạo của Liên khu ủy, tháng 2 năm 1948, Tỉnh ủy mở Hội nghị quân sự toàn tỉnh lần thứ nhất tại xã Chu Hương, Chợ Rã đề ra một số chủ trương với nội dung cơ bản là: Củng cố, kiện toàn về tổ chức, biên chế của Ban Chỉ huy xã đội của các đơn vị dân quân du kích, tăng cường công tác huấn luyện và bảo đảm sản xuất, sửa chữa vũ khí; tăng cường các hoạt động phá hoại giao thông của địch.

Tại Na Rì, từ những chủ trương cơ bản của Tỉnh ủy và tình hình thực tiễn của địa phương, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện¹ đã tăng cường lãnh đạo,

1. Sắc lệnh số 149/SL ngày 29 tháng 3 năm 1948, bỏ từ "Kiêm" trong danh từ Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính và bỏ từ "châu".

chỉ đạo quân và dân trong huyện, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, đóng góp lương thực, thực phẩm phục vụ kháng chiến. Đồng thời tăng cường các hoạt động sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu; tích cực tham gia vận chuyển hàng hoá, phá hoại giao thông.

Tại xã Bình Minh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ và chính quyền xã, đầu năm 1948, Chi bộ đã tập trung đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng đảng viên, nhất là số đảng viên giữ các cương vị chủ chốt về chính quyền, các đoàn thể trong lực lượng vũ trang. Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng thực hiện theo các nội dung của Cuộc vận động “Thi đua phát triển đảng viên”. Ngay trong quý I năm 1948, đồng chí Bí thư Chi bộ đã được đi dự lớp tập huấn ở khu sơ tán do Huyện ủy mở. Nội dung học tập là một số kiến thức cơ bản về đường lối, chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng; về nhiệm vụ của huyện và địa phương; về công tác chi bộ, tư cách người đảng viên, v.v.. Từ những kiến thức được học tập, đồng chí Bí thư Chi bộ đã tổ chức phổ biến cho 100% đảng viên và cán bộ chính quyền, các đoàn thể. Nhờ vậy, nhận thức trách nhiệm, quan điểm lập trường, chế độ, nền nếp chất lượng sinh hoạt Đảng được nâng lên một bước. Mọi mặt công tác ở địa phương đều có bước chuyển biến mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thôn, xã. Trong công tác phát triển đảng viên, căn cứ vào nội dung Cuộc vận động “Thi đua phát triển đảng viên”, Chi bộ đã giao nhiệm vụ cho

từng tổ Đảng và đảng viên giáo dục, bồi dưỡng, kèm cặp 2 quần chúng tích cực, chú trọng những đối tượng là cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể và trong lực lượng dân quân du kích. Tính đến cuối năm 1948, Chi bộ xã Bình Minh đã kết nạp được 3 quần chúng ưu tú vào Đảng.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng, củng cố chính quyền, các tổ chức đoàn thể luôn được chi bộ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Ủy ban, Mặt trận và các đoàn thể luôn được kiện toàn đầy đủ theo Cuộc vận động “chấn chỉnh cấp xã” và “chuyển trọng tâm công tác xuống xã” do Liên khu ủy phát động. Mặc dù đội ngũ cán bộ còn hạn chế về năng lực, làm việc không có thù lao nhưng luôn đề cao trách nhiệm, tận tụy thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Song song với các hoạt động sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, vận chuyển hàng hoá, phá hoại giao thông, chi bộ đã tích cực chỉ đạo, tổ chức nhân dân tích cực tham gia trồng lúa, ngô, khoai, sắn và các loại cây củ ngăn ngừa đảm bảo đời sống sinh hoạt của nhân dân, đồng thời thực hành tiết kiệm lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội và lực lượng dân quân du kích. Xã đã tổ chức một số lò rèn, đúc để sản xuất nông cụ, đồ dùng gia đình phục vụ cho sản xuất và đời sống. Phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hoá vẫn được duy trì, các lán tản cư ở vùng sâu trong rừng và ở những nơi có từ 5 đến 10 gia đình đều được tổ chức các lớp học.

Năm 1948, phong trào chiến tranh du kích và chiến tranh toàn dân, toàn diện ở Na Rì giành được nhiều kết quả quan trọng. Lực lượng dân quân du kích luôn được củng cố, kiện toàn về tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động. Đến cuối năm 1948, xã Bình Minh đã thành lập được 1 đại đội dân quân du kích với trên 100 cán bộ, chiến sĩ. Lực lượng dân quân du kích rộng rãi có khoảng trên 100 cán bộ, chiến sĩ ở các thôn bản, mỗi thôn bản hình thành 1 tiểu đội có từ 7-10 cán bộ, chiến sĩ do trưởng thôn, bản phụ trách. Ở các địa phương như phố Yên Lạc, Nà Sang, Khuổi Nằn, mỗi thôn có 20-25 chiến sĩ. Ngoài ra, đông đảo cán bộ, chiến sĩ còn tranh thủ và thay phiên nhau tăng gia sản xuất, chăn nuôi để giảm bớt sự đóng góp của nhân dân và cải thiện sinh hoạt. Bình quân hằng năm từ năm 1948 đến năm 1950, các trung đội, tiểu đội dân quân du kích ở Bình Minh đã tự túc được trên 2 tấn gạo và hàng tạ thực phẩm.

Về phía ta, từ ngày 14 đến ngày 18 tháng 1 năm 1949, Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6 ra Nghị quyết, trong đó nhấn mạnh: Tích cực chuẩn bị tổng phản công, nhiệm vụ trước mắt nhằm đúng khẩu hiệu: Tất cả để chiến thắng¹.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng và các chỉ thị cấp trên, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 1.

đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân trong huyện đẩy mạnh cuộc kháng chiến kiến quốc lên một bước mới. Đồng thời đề ra nhiệm vụ trước mắt là: Tích cực tham gia tiến công địch trên mọi mặt trận, phát triển chiến tranh du kích rộng khắp để tiêu diệt địch và bảo vệ nhân dân.

Về phía địch, bị thất bại nặng nề sau chiến dịch Cao - Bắc - Lạng, Đường số 4 không còn là tuyến đường hành quân an toàn của chúng nữa. Trên Quốc lộ 3, các lực lượng vũ trang Cao Bằng, Bắc Kạn liên tiếp gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đặc biệt, chúng rất lo sợ trước sự tiến công của ta nên chuẩn bị mọi mặt rút khỏi thị xã Bắc Kạn. Sáng sớm ngày 9 tháng 8 năm 1949, quân Pháp rời khỏi thị xã Bắc Kạn theo Quốc lộ 3 lên Cao Bằng. Sáng ngày 17 tháng 8 năm 1949, quân và dân ta tiến công đồn Bằng Khẩu, tiêu diệt 50 tên địch, làm bị thương nhiều tên khác, phá huỷ 14 xe vận tải, làm hỏng 30 chiếc khác, thu nhiều vũ khí các loại và đồ dùng quân sự. Lực lượng ta bị thương vong 7 đồng chí, mất 2 khẩu súng trường. Đây là trận đánh quân Pháp cuối cùng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Sáng ngày 24 tháng 8 năm 1949, tại sân bay thị xã Bắc Kạn, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh tổ chức mít tinh chào mừng Bắc Kạn được giải phóng. Nhiều cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang cùng một số nhân dân Na Rì đã cắt rừng, lội suối, vượt đèo cao về thị xã Bắc Kạn dự lễ mít tinh. Tại cuộc mít tinh, đại diện Tỉnh ủy đã đọc bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Bắc Kạn. Tiếp đó, Đại tướng

Võ Nguyên Giáp - Tổng Tư lệnh đọc Nhật lệnh. Lễ mít tinh mừng chiến thắng kết thúc bằng cuộc diễu hành của các đơn vị chủ lực có đoàn quân nhạc dẫn đầu. Nhân dịp tỉnh Bắc Kạn được giải phóng, nhà thơ Nông Quốc Chấn đã sáng tác bài thơ “Dọn về làng” ca ngợi quê hương được giải phóng.

“...Hôm nay Cao - Bắc - Lạng cười vang

Dọn lán, rời rừng, người xuống làng

Người nói, cỏ lay trong ruộng rậm

Con cày, mẹ phát, ruộng ta quang

Đường cái kêu vang tiếng ô tô

Trong trường ríu rít tiếng cười con trẻ...”

Bài thơ “Dọn về làng” của ông sau này đã đoạt giải Nhì tại Đại hội liên hoan thanh niên - sinh viên thế giới ở Béclin năm 1951.

Thực dân Pháp rút khỏi Bắc Kạn, Đảng bộ tỉnh đã khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo ổn định tình hình tư tưởng trong nhân dân và lực lượng vũ trang, nhanh chóng củng cố, kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Đảng, chính quyền, Mặt trận Việt Minh, đoàn thể các cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 1949, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 46/TU-BK “Về việc Đảng bộ Bắc Kạn phải gấp rút ngay sau khi địch đã rút lui khỏi thị xã Bắc Kạn”. Nội dung cơ bản của Chỉ thị là: Đảng bộ các huyện gấp rút củng cố các cơ sở quần chúng, chính quyền và Đảng bộ, tuyên truyền,

động viên nhân dân bán thóc cho Chính phủ; nâng cao cảnh giác đề phòng bọn phản động, Việt gian chui vào hàng ngũ của ta, xây dựng lực lượng bộ đội địa phương; Tiếp tế gạo, muối dự trữ cho bộ đội, cơ quan, đoàn thể, Ban Canh nông cấp hạt giống cho nhân dân tăng gia sản xuất.

Từ nội dung cơ bản chỉ thị của Tỉnh ủy và được lãnh đạo của Huyện ủy, chi bộ, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể ở xã Bình Minh tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, đồng thời đề ra các biện pháp cụ thể động viên, tổ chức nhân dân và lực lượng vũ trang tăng gia sản xuất, xây dựng địa phương và tích cực tham gia kháng chiến.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, nhiệm vụ xây dựng Đảng được Chi bộ chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Năm 1949, Chi bộ kết nạp được 3 đảng viên. Tuy số lượng đảng viên của Chi bộ không nhiều (khoảng 20 đồng chí) nhưng thông qua việc học tập, rèn luyện, phấn đấu theo Cuộc vận động “Chi bộ tự động công tác” nên chất lượng đảng viên được nâng lên đồng đều, vai trò lãnh đạo của Chi bộ được tăng cường toàn diện trong các hoạt động lãnh đạo, tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ. Bên cạnh đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện và phát triển đảng viên, chi bộ đã chú trọng điều chỉnh, bố trí đảng viên có năng lực giữ các cương vị

chủ chốt trong chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể. Từ cuối năm 1949 đến cuối năm 1950, 2/3 số cán bộ, đảng viên trong Chi bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã được tham gia học tập, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ công tác do huyện mở. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, đảng viên các cơ quan chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể đều hoàn thành tốt vai trò, chức năng của mình trong điều hành, tập hợp và tổ chức nhân dân xây dựng phát triển lực lượng kháng chiến.

Cuối năm 1949, thế và lực cuộc kháng chiến kiến quốc chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta chuyển dần từ chiến lược phòng ngự sang chiến lược phản công trên khắp các chiến trường cả nước. Để phù hợp với sự phát triển của lực lượng kháng chiến trên vùng căn cứ địa Việt Bắc, ngày 4 tháng 11 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 127/SL hợp nhất Liên khu 1 và Liên khu 10 thành Liên khu Việt Bắc, bao gồm 15 tỉnh vùng phía Bắc, Đông Bắc - Bắc Bộ. Tỉnh Bắc Kạn thuộc Liên khu Việt Bắc.

Bước sang năm 1950, thực dân Pháp được đế quốc Mỹ chi viện, chúng tăng cường mở các cuộc hành quân càn quét, lấn chiếm, đánh phá hòng bình định vùng đồng bằng Bắc Bộ, cô lập, bao vây vùng căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc với phong trào kháng chiến toàn quốc.

Về phía ta, thế và lực của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc ngày càng phát triển lớn mạnh trên tất cả các lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực quân sự và ngoại giao. Các nước Liên Xô, Trung Quốc, Ba Lan, v.v.. trong hệ thống các nước

xã hội chủ nghĩa lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với ta, ủng hộ cuộc kháng chiến của Chính phủ ta. Trên mặt trận quân sự, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích liên tục tổ chức các chiến dịch, các đợt tấn công quân địch trên khắp các chiến trường cả nước.

Trên địa bàn Na Rì, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh về đẩy mạnh nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc, Đảng bộ Na Rì đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân trong huyện ra sức thi đua xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quân sự, Đảng bộ tiếp tục thực hiện phong trào thi đua "Rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng" giai đoạn 2 nhân dịp kỷ niệm lần thứ 20 Ngày thành lập Đảng và kỷ niệm lần thứ 60 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tại xã Bình Minh, Chi bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã quán triệt tốt các nội dung chỉ thị, nghị quyết của Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính xã cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân. Đồng thời tổ chức quân và dân trong xã tập trung xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường tiềm lực quân sự, đẩy mạnh phong trào thi đua "Rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng". Chi bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã lãnh đạo, chỉ đạo các thôn huy động, tổ chức mọi lực lượng tham gia lao động sản xuất, củng cố, xây dựng hệ thống thủy lợi, mở rộng diện tích trồng lúa, ngô, khoai, sắn, v.v.. phát triển chăn nuôi gia súc,

gia cầm. Các bản vùng cao đẩy mạnh trồng lúa nương, mở rộng diện tích trồng ngô, khoai, sắn, v.v.. Với sự chỉ đạo, tổ chức cụ thể của Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể, sự hướng dẫn của Ban Canh nông huyện và tinh thần hăng hái thi đua lao động sản xuất của nhân dân, tính từ cuối năm 1949 đến giữa năm 1950, xã Bình Minh đã thu hoạch được trên 100 tấn lương thực, thực phẩm. Đời sống của nhân dân được cải thiện. Bà con nông dân phấn khởi, cảm ơn Đảng và Chính phủ.

Trong thế trận toàn dân, toàn diện kháng chiến kiến quốc, Đảng ta chủ trương “văn hoá cũng là một mặt trận”, quán triệt sâu sắc chủ trương đó, chi bộ, chính quyền xã Bình Minh luôn chú trọng, đẩy mạnh phong trào học tập văn hoá, xây dựng đời sống mới trong thôn bản và ở các tầng lớp nhân dân. Từ sau ngày được giải phóng (8.1949) đến cuối năm 1950, 4/8 thôn bản ở Bình Minh đều có các lớp học bổ túc văn hoá với hàng trăm người tham gia. Toàn xã đã mở được 2 lớp học phổ thông cho khoảng 30 cháu (lớp 1, 2) ở phố Yến Lạc.

Công tác giáo dục được duy trì và phát triển đã hỗ trợ đắc lực cho phong trào văn hoá, văn nghệ, thông tin tuyên truyền đạt được nhiều kết quả tốt. Bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động như kể chuyện về tin thắng trận của bộ đội, về phong trào lao động sản xuất, về thực hành tiết kiệm, đóng góp cho Chính phủ. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ đã tích

cực đẩy mạnh các hoạt động sinh hoạt tập thể, học hát những bài ca cách mạng, hát sly, then, giao lưu văn hoá văn nghệ nhân các ngày lễ lớn góp phần tích cực thúc đẩy các phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng địa phương phát triển toàn diện.

Về nhiệm vụ quân sự: Chi bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính xã tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân du kích về cả số lượng và chất lượng. Ban Chỉ huy xã đội đã tham mưu cho Chi bộ, Ủy ban, đồng thời trực tiếp tổ chức xây dựng các lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Đại đội dân quân du kích của xã được kiện toàn chặt chẽ về tổ chức, được giáo dục về tinh thần trách nhiệm, tư tưởng đạo đức, tác phong và năng lực tổ chức, chỉ huy. Trong năm 1950, 100% số cán bộ đại đội, trung đội đã qua các lớp giáo dục, huấn luyện về chính trị và quân sự. Hơn 90%, số chiến sĩ được tổ chức học tập chính trị, huấn luyện các hình thức chiến thuật, kỹ thuật sử dụng vũ khí. Bên cạnh đó phong trào học tập văn hoá, xoá mù chữ trong cán bộ, chiến sĩ luôn được duy trì và phát triển sôi nổi. Đến cuối năm 1950, hầu hết số cán bộ, chiến sĩ, dân quân du kích xã Bình Minh đã biết đọc, biết viết thông thường, biết làm phép tính. Đây thực sự là lực lượng xung kích đi đầu trong công tác xoá nạn mù chữ và các phong trào xây dựng địa phương.

Trong công tác xây dựng Đảng, Chi bộ tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng”. Chi bộ đã triển khai học tập các tài

liệu về tư cách người đảng viên, tinh thần đấu tranh của người cộng sản, tính chất phê bình và tự phê bình trong sinh hoạt Đảng. Các nội dung học tập được liên hệ cụ thể với nhiệm vụ của Chi bộ và đảng viên. Thông qua học tập, nhận thức tư tưởng của đội ngũ đảng viên, tinh thần chiến đấu, năng lực lãnh đạo của cấp ủy, Chi bộ từng bước được nâng lên, nội bộ chi bộ luôn đoàn kết, thống nhất, uy tín, vai trò lãnh đạo của Chi bộ ngày càng ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng, được quần chúng học tập noi theo. Công tác phát triển đảng viên mới được chú ý, coi trọng, hướng vào các cán bộ đảm nhận các trọng trách chính quyền, tổ chức đoàn thể và lực lượng dân quân du kích với phương châm coi trọng chất lượng là chính, năm 1950, Chi bộ đã phát triển được 5 quần chúng ưu tú vào Đảng.

Trong công tác bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự trị an địa phương, theo chủ trương của cấp trên, từ tháng 9 năm 1947, Quận Công an Na Rì được thành lập do đồng chí Nông Văn Tiêu làm Quận trưởng, quân số có 5-7 đồng chí làm công tác chuyên môn. Hệ thống Ban công an xã và nhân viên an ninh thôn bản cũng được sắp xếp, kiện toàn. Ban lãnh đạo Công an xã có từ 2-3 người cán bộ và mỗi thôn bản có 1 công an viên, mọi người đều nêu cao trách nhiệm, hoạt động theo chức trách, nhiệm vụ, chủ động, sáng tạo trong mọi công việc cùng với cán bộ, chiến sĩ Đồn Công an phố Yển Lạc góp phần tích cực giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa phương.

Trên mặt trận quân sự, ngay từ đầu năm 1950, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Sắc lệnh số 20/SL, ngày 12 tháng 2 năm 1950 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tổng động viên tất cả nhân lực, vật lực, tài lực của toàn thể nhân dân phục vụ kháng chiến.

Tại Bắc Kạn, toàn Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng vũ trang tiếp tục đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời phát động một phong trào sâu rộng trong toàn tỉnh ra sức động viên nhân lực, vật lực, tài lực phục vụ cho các chiến trường. Từ chủ trương của Trung ương Đảng và Liên Khu ủy Việt Bắc là sửa chữa, khôi phục lại hệ thống giao thông, đặc biệt là Quốc lộ 3, Tỉnh ủy Bắc Kạn xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm và phát động "Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất".

Hưởng ứng "Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất", với tinh thần sửa chữa cầu đường như đánh giặc, không khí lên đường đi dân công phục vụ kháng chiến ở xã Bình Minh diễn ra rất sôi động và khẩn trương không kém gì các đợt thanh niên lên đường tòng quân. Khắp các thôn bản từ phố Yến Lạc, Khuổi Nằn, v.v.. đông đảo các tầng lớp nhân dân, dân quân du kích, thanh niên, phụ nữ đã hăng hái ghi tên xung phong lên đường đi dân công. Ngay trong đợt huy động dân công lần thứ nhất, các thôn bản ở Bình Minh đã cử 30 thanh niên, trung niên khỏe mạnh tham gia đoàn dân công của huyện san lấp hố bom, dọn cây và các chướng ngại vật ở các đoạn Đèo Giàng,

Lãng Ngâm, Nà Phặc. Đến tháng 4 năm 1950, sau gần 2 tháng lao động khẩn trương và sáng tạo, lực lượng dân công xã Bình Minh đã góp phần cùng với lực lượng khác đào đắp hàng nghìn mét khối đất đá và sửa chữa, làm mới gần 10 cầu lớn nhỏ, khai thông hàng chục kilômét đường giao thông.

Tháng 6 năm 1950, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Biên Giới trên địa bàn 2 tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng nhằm mục đích: Tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới, mở đường giao thông nối liền với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Tại xã Bình Minh, từ trung tuần tháng 7 năm 1950, ngay sau khi nhận được kế hoạch của huyện, hơn 50 thanh niên, trung niên xã Bình Minh đã hăng hái xung phong lên đường cùng với đoàn dân công của huyện vận chuyển hàng trăm tấn hàng hoá từ trạm trung chuyển Na Rì ra huyện Bạch Thông phục vụ chiến dịch. Ngày 18 tháng 9 năm 1950, quân và dân ta đã tiêu diệt và làm chủ hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê (Thạch An - Cao Bằng) của địch. Nhận được tin thắng trận của bộ đội, quân và dân xã Bình Minh vô cùng phấn khởi, tự hào vì đã có một phần đóng góp của mình vào thắng lợi.

Đồng thời với việc tích cực đóng góp nhân lực, vật lực, tài lực bảo đảm giao thông và phục vụ cho các chiến dịch tiêu diệt địch của bộ đội, phong trào “bán thóc khao quân”, “may áo gửi người chiến sĩ”, v.v.. được đông đảo các

tầng lớp nhân dân thực hiện và đạt kết quả cao. Tiêu biểu và có công lao lớn nhất trong phong trào này thuộc về các chi hội phụ nữ, hội mẹ chiến sĩ xã Bình Minh.

Mùa Xuân năm 1951, để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của quân và dân ta trong giai đoạn cách mạng mới, từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2 năm 1951, tại huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, nhiệm vụ của Đại hội là đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Đặc biệt, Đảng ta ra hoạt động công khai với tên gọi mới: Đảng Lao động Việt Nam. Đây là một sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa to lớn trong lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tiếp đó, ngày 26 tháng 6 năm 1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ III được tổ chức. Tham dự Đại hội có 110 đại biểu, trong đó Đảng bộ Na Rì có 8 đồng chí. Đại hội đã bầu 16 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong đó có 4 đồng chí ủy viên dự khuyết.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Đảng bộ Na Rì đã triển khai đợt học tập, sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các chi bộ và đội ngũ đảng viên, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang, xây dựng kế hoạch hành động của các tổ chức đảng, đẩy mạnh các hoạt động tham gia kháng chiến kiến quốc.

Tháng 6 năm 1952, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ II được tổ chức tại bản Pò Pái, xã Cư Lễ với

sự tham gia của 50 đại biểu. Đại hội đề ra những biện pháp cụ thể lãnh đạo, tổ chức, động viên nhân dân thực hiện phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới có khoảng 10 đồng chí.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, công tác phát triển Đảng ở trong huyện có bước phát triển mới về số lượng, chất lượng. Chi bộ xã Bình Minh đã tổ chức học tập các nội dung chính Đảng, chính huấn, giáo dục, tuyên truyền đường lối, chính sách kháng chiến kiến quốc của Đảng cho 100% cán bộ, đảng viên và cán bộ, chiến sĩ, dân quân du kích. Mỗi đảng viên, cán bộ đều có sự liên hệ giữa nhiệm vụ được giao và đề ra chương trình hành động của cá nhân, tập thể để phấn đấu.

Về sản xuất nông nghiệp, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, đồng thời quán triệt chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến với 2 nguyên tắc: “Vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung, tự cấp về mọi mặt”, quân và dân xã Bình Minh đã tích cực khai hoang, phục hoá, mở rộng các diện tích trồng lúa, ngô, khoai sắn và rau màu, đẩy mạnh việc chăn nuôi gia súc, gia cầm và triệt để thực hành tiết kiệm. Bằng nhiều biện pháp tổ chức của chi bộ và Ủy ban kháng chiến hành chính xã, lực lượng dân quân du kích và nhân dân từng thôn đã tập trung làm đổi công cho nhau, giúp nhau về sức kéo, về giống và công cụ để cày cấy cho kịp thời vụ. Những năm 1951 - 1954, quân và dân

xã Bình Minh đã đầu tư trên 1 vạn ngày công đào đắp, nạo vét, làm mới hàng chục kilômét kênh mương dẫn nước, xây dựng gần 10 phai, cọn nước, đập nhỏ, hơn 20 ao giữ nước, v.v.. đảm bảo đủ nước tưới cho gần 40ha ruộng nước 1 vụ. Các nương lúa, bãi ngô, sắn, đậu, lạc, vùng, rau xanh tiếp tục được các hộ gia đình gieo trồng, chăm sóc. Trong quá trình sản xuất, khắp các thôn Khuổi Nần, Nà Sang, Pò Đồn, v.v.. đông đảo nhân dân đều tích cực hưởng ứng các chiến dịch: Thâm canh tăng năng suất, sản xuất tiết kiệm, đồng thời áp dụng các biện pháp canh tác khoa học kỹ thuật như: Sử dụng giống lúa Nam Ninh, Đại Mạch, cày sâu, bừa kỹ, bón phân, làm cỏ, v.v.. Đây thực sự là một cuộc cách mạng của đại bộ phận nhân dân Bình Minh trong sản xuất nông nghiệp. Nhờ vậy, sản lượng lương thực quy thóc bình quân đạt từ 50-60 tấn/năm, một phần nhập kho Nhà nước và đóng góp vào quỹ dự trữ kháng chiến. Để giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong quá trình lao động sản xuất, nhất là những gia đình neo đơn, có người đi bộ đội, dân công, v.v.. Chi bộ, chính quyền xã đã chỉ đạo xây dựng thí điểm các tổ sản xuất, tổ đổi công nhỏ lẻ ở Khuổi Nần, Nà Hin, Nà Lặng. Tuy hoạt động của tổ đổi công thời kỳ này còn đơn giản nhưng đây thực sự là cơ sở tiền đề cho cuộc vận động nhân dân vào hợp tác xã sau này.

Cùng với việc chỉ đạo, tổ chức và động viên nhân dân sản xuất, Chi bộ, chính quyền xã đã tích cực phổ biến, tuyên truyền, kịp thời triển khai các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Chính phủ đối với nông dân, đối

với sản xuất nông nghiệp như; chính sách giảm tô năm 1949, chính sách trưng thu ruộng đất bỏ hoang tạm cấp cho nông dân năm 1950. Ngày 1 tháng 5 năm 1951, Chính phủ ban hành chính sách thuế nông nghiệp, nêu rõ sự đóng góp của nhân dân vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ nên nhân dân rất phấn khởi. Thông qua các đợt học tập và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về giảm tô, tạm cấp ruộng đất, về chính sách thuế nông nghiệp đối với nông dân, trình độ chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động xã Bình Minh được nâng lên. Đây là thắng lợi quan trọng của chi bộ, quân và dân xã Bình Minh trên cả hai mặt kinh tế và chính trị. Kết quả đó đã thiết thực bồi dưỡng sức dân, thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động kháng chiến kiến quốc ở xã Bình Minh phát triển. Trong những năm 1951 - 1954, hằng năm, quân và dân xã Bình Minh đã đóng góp cho kháng chiến được 15 tấn thóc, gần 3 tấn thực phẩm các loại, chủ yếu là thịt lợn, thịt trâu, bò, lợn, gà, vịt, dê. Ngoài ra nhân dân xã Bình Minh còn ủng hộ lực lượng vũ trang huyện gần 3 tấn gạo, hàng trăm kilôgam thịt lợn, gà, vịt, đậu, lạc, vừng và rau xanh.

Tăng gia sản xuất phát triển, đời sống vật chất của nhân dân ổn định đã góp phần quan trọng thúc đẩy các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế ở địa phương từng bước phát triển. Trong những năm 1951 - 1954, phong trào bổ túc văn hoá và giáo dục phổ thông tại các thôn ở Bình Minh tiếp tục được duy trì và phát triển cả về số lượng và

chất lượng, nhất là ở phố Yến Lạc. Đoàn thanh niên, lực lượng dân quân du kích các thôn đã tích cực vận động nhân dân đóng góp vật liệu, công sức xây dựng trường lớp, đóng bàn, ghế, bảng, v.v.. đồng thời động viên mọi người đến lớp học. Hằng năm, có trên 60% đồng bào trong xã có đủ các lứa tuổi đến các lớp học thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá. Đến năm 1954, toàn xã có khoảng 40 học sinh học lớp 1 đến lớp 3. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, xây dựng nếp sống văn minh, thông tin tuyên truyền được thực hiện sôi nổi và rộng khắp trong các thôn bản. Tổ viên thông tin tuyên truyền các thôn bản thường xuyên phát loa tay thông báo tin tức thời sự kháng chiến, tin thắng trận của bộ đội, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng về nông dân, về cải cách ruộng đất, về đóng thuế nông nghiệp. Phong trào vệ sinh phòng bệnh trong các gia đình, thôn bản được tuyên truyền, thực hiện rộng rãi. Khẩu hiệu hành động: Ăn chín, uống sôi, ở sạch, sạch làng tốt ruộng, v.v.. được đông đảo nhân dân thực hiện. Trong những năm 1951 - 1954, do làm tốt công tác tuyên truyền ăn ở vệ sinh cho nhân dân nên xã Bình Minh không để xảy ra các dịch bệnh lớn ở người, gia súc, gia cầm.

Về nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chi bộ đã thường xuyên chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ huy Xã đội tổ chức kiện toàn Trung đội du kích với khoảng 40 cán bộ, chiến sĩ, biên chế thành 3 tiểu đội, mỗi tiểu đội có từ 10-12 chiến sĩ và các tổ thông tin, trinh sát, quân y,

hậu cần mỗi tổ có 2 đến 3 chiến sĩ. Các chế độ sẵn sàng chiến đấu thường xuyên được duy trì chặt chẽ. Lực lượng dân quân rộng rãi được tổ chức biên chế thành 10 tiểu đội, mỗi tiểu đội có từ 12 đến 15 cán bộ, chiến sĩ do các trưởng thôn bản trực tiếp quản lý, điều hành, được Xã đội huấn luyện chu đáo, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khi có lệnh điều động của cấp trên.

Đồng thời với nhiệm vụ xây dựng địa phương, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Chi bộ, quân và dân xã Bình Minh còn vận dụng, thực hiện sáng tạo quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng, đạt kết quả cao trong công tác huy động sức người, sức của cho tiền tuyến. Trong những năm 1951 - 1954, quân và dân xã Bình Minh đã cử 15 thanh niên ưu tú lên đường nhập ngũ vào các đơn vị bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương; đóng góp gần 50 tấn lương thực, thực phẩm cho Chính phủ; huy động 200 lượt dân công bảo đảm giao thông, vận chuyển hàng hoá. Điển hình là trong các lần huy động dân công phục vụ Chiến dịch Hòa Bình (1951 - 1952), Chiến dịch Tây bắc (Thu - Đông năm 1952). Trong mỗi lần đi, dân công ở xã Bình Minh đã hoàn thành tốt các công việc được giao. Ở hậu phương, các bà, các chị ở nhà đã nhận hàng chục tấn thóc về xay, giã thành gạo để các lực lượng dân công chuyển ra chiến trường.

Được hậu phương cả nước chi viện sức người, sức của, quân và dân ta đã liên tiếp giành được nhiều chiến thắng to lớn vang dội trên khắp các chiến trường. Ngày 13

tháng 3 năm 1954, bộ đội ta nổ súng tấn công tiêu diệt Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đến 17 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954, toàn bộ Tập đoàn cứ điểm của địch ở Điện Biên Phủ đã bị tiêu diệt, bộ đội ta đã thực hiện xuất sắc quyết tâm của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tạm thời nằm dưới ách thống trị của chế độ thực dân kiểu mới do đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm cầm đầu. Nhiệm vụ của quân và dân ta còn nặng nề, vẫn phải tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Na Rì, Chi bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc xã Bình Minh luôn đoàn kết một lòng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, không ngừng quán triệt, vận dụng, thực hiện sáng tạo các chủ trương, đường lối kháng chiến kiến quốc của Đảng. Đồng thời phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước và cách mạng của quê hương, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ, giữ vững chính quyền cách mạng, xây dựng hậu phương vững mạnh về chính trị, kinh tế, xã hội, quân sự, tích cực đóng góp sức người,

sức của, góp phần xứng đáng cùng quân và dân trong tỉnh và nhân dân cả nước đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi vẻ vang.

Trong 9 năm kháng chiến kiến quốc, Chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Bình Minh đã cử gần 20 thanh niên ưu tú, khoẻ mạnh lên đường nhập ngũ. Trên khắp các chiến trường, con em nhân dân xã Bình Minh đã kiên cường, dũng cảm chiến đấu tiêu diệt kẻ thù, lập được nhiều chiến công xuất sắc, trong đó có 5 đồng chí đã anh dũng hy sinh trên chiến trường. Toàn xã đã cử khoảng 300 lượt người, thực hiện hàng nghìn ngày công bảo đảm giao thông, vận chuyển hàng hoá, vũ khí, trang bị cho bộ đội chiến đấu trên các mặt trận. Bên cạnh đó, nhân dân các dân tộc xã Bình Minh không những tự túc được lương thực, thực phẩm đảm bảo ổn định đời sống sinh hoạt mà còn triệt để tiết kiệm, đóng góp cho kháng chiến gần 100 tấn lương thực và hàng chục tấn thực phẩm các loại.

Tự hào về truyền thống lịch sử vẻ vang của quê hương, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Bình Minh tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, quyết tâm cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chương III

THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ (1954 - 1975)

I. CHI BỘ XÃ BÌNH MINH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ (1954 - 1963)

Thực hiện chủ trương của cấp trên, tháng 8 năm 1953, xã Bình Minh (Lương Hạ và Kim Lư) chia tách thành 4 xã: Xã Lương Hạ gọi là xã Bình Minh; xã Kim Lư gọi là xã Thanh Bình; 2 xã mới là xã Lam Sơn và xã Cường Lợi. Đầu năm 1954, các xã trên mới kiện toàn tương đối đầy đủ đội ngũ cán bộ. Xã Bình Minh (Lương Hạ) có chi bộ, chính quyền, các đoàn thể. Chi bộ xã Bình Minh có khoảng hơn 20 đảng viên, cấp ủy có 3 đồng chí, do đồng chí Lý Đình Chung làm Bí thư Chi bộ.

Sau ngày hoà bình lập lại, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Chi bộ xã Bình Minh đã tổ chức các đợt học tập, sinh hoạt chính trị cho các đoàn thể, lực lượng vũ trang và nhân dân nâng cao cảnh giác cách mạng, tuyên truyền rộng rãi ý nghĩa thắng lợi vẻ vang của

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, về nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta và đề ra những nhiệm vụ cấp bách nhằm cải thiện đời sống và tinh thần cho nhân dân.

Về khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, cuối năm 1954, Huyện ủy phát động phong trào thi đua: “Sản xuất - tiết kiệm - cứu đói” với những nội dung cơ bản là: Trước mắt trồng các loại cây lương thực ngăn ngày, khai hoang mở rộng diện tích, tích cực củng cố, xây dựng các công trình thuỷ lợi. Từ nội dung của phong trào thi đua, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ, lực lượng dân quân du kích, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Ban Nông hội, v.v.. đã gương mẫu, xung kích đi đầu trong các hoạt động tăng gia sản xuất.

Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân và từng bước đưa nông dân vào phương thức lao động tập thể, phong trào xây dựng, củng cố tổ đổi công tiếp tục được triển khai rộng khắp trong các hộ gia đình, thôn bản. Năm 1955, toàn xã có 2 tổ đổi công, năm 1957, tăng lên 8 tổ với trên 50% số hộ nông dân tham gia. Hầu hết số hộ gia đình có người là cán bộ, đảng viên, dân quân du kích, đoàn viên, thanh niên đều tham gia. Từ các tổ đổi công và phong trào thi đua lao động sản xuất của nhân dân, trong 3 năm (1955 - 1957) toàn xã đã khai hoang, phục hoá thêm được 10ha trồng các loại hoa màu, huy động trên 3.000 ngày công lao động sửa chữa, nạo vét, làm mới trên 10km mương dẫn nước, đào hàng chục ao giữ nước, sửa chữa, tu bổ 5 phai đập nhỏ. Nhờ có tổ đổi

công mà nhiều gia đình neo đơn, có người đi bộ đội, đi công tác có mức sống ổn định, tình đoàn kết thôn bản, anh em, bà con ngày càng gắn bó mật thiết. Bên cạnh đó, nhân dân các thôn bản còn tích cực bảo vệ, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, làm chuồng, dự trữ thức ăn phòng tránh bệnh tật, chống rét cho trâu bò để đảm bảo sức kéo và nguồn phân bón cho các loại cây trồng. Đến năm 1957, đàn trâu, bò, ngựa, v.v.. toàn xã có gần 200 con. Cũng từ năm 1955 đến năm 1957, thực hiện sự chỉ đạo của huyện, xã Bình Minh đã tổ chức 1 đội chăn nuôi bò tập thể do các hộ dân đóng góp mua và nuôi chung nhưng đạt kết quả thấp. Đàn lợn toàn xã có khoảng 200 con, trong đó có từ 15 - 20 con lợn nái, đàn gia cầm có gần 1.000 con, nhiều gia đình ở các thôn bản như: Phố Yến Lạc, Nà Lặng, Nà Khun, v.v.. nuôi trung bình từ 10 - 15 con gà vịt, ngan, ngỗng góp phần tăng thu nhập và bồi dưỡng nâng cao sức khoẻ cho gia đình và đóng góp cho Nhà nước.

Qua 3 năm khôi phục kinh tế theo phong trào "Thi đua phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, cứu đói". Đến năm 1957, nền sản xuất nông nghiệp ở xã Bình Minh đã có bước phát triển khá cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Điển hình trong phong trào sản xuất nông nghiệp là đồng bào các thôn bản: Phố Yến Lạc, Nà Khun, Phiêng Chang, Pò Đồn, v.v.. Năm 1956, toàn xã thu hoạch được 50 tấn lương thực quy ra thóc, đóng thuế nông nghiệp cho Nhà nước trên 5 tấn thóc.

Song song với các hoạt động khôi phục, phát triển kinh tế, công tác giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội trong xã tiếp tục được củng cố, xây dựng và phát triển. Ban Bình dân học vụ xã đã tham mưu cho Ủy ban hành chính xã chỉ đạo và tổ chức 100% các thôn bản lập các bản giao ước thi đua về số lượng người đi học, số người xoá nạn mù chữ, số người lên lớp theo kế hoạch 9 tháng, 1 năm. Vì vậy, phong trào người người, nhà nhà đến các lớp học rất đông vui, nhộn nhịp. Đến năm 1957, hơn 70% dân số trong xã được thanh toán nạn mù chữ, hàng trăm người theo học lớp bổ túc văn hoá lớp 1, lớp 2; được huyện đánh giá là xã có phong trào học tập văn hoá khá trong huyện. Trong công tác giáo dục phổ thông, số lượng học sinh cấp I và võ lòng hằng năm đều tăng trung bình 5%. Từ năm 1955 đến năm 1957, chính quyền và nhân dân đã tích cực đầu tư công sức, vật liệu xây dựng 2 phòng học cho các cháu lớp võ lòng ở phố Yến Lạc. Năm học 1955 - 1956, toàn xã có 6 giáo viên với khoảng 50 em học sinh võ lòng. Năm học 1957 - 1958, toàn xã có khoảng 60 em học sinh lớp võ lòng, khoảng 40 học sinh cấp I, tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt gần 80%.

Các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, rèn luyện sức khoẻ thường xuyên được đẩy mạnh ở các thôn bản và ngày càng đi vào nền nếp. Từ năm 1955 đến năm 1957, Ban Văn hoá xã đã nhận và tổ chức được hàng trăm buổi đọc các tài liệu "yêu nước chống Mỹ", v.v..

của trên để tuyên truyền trong nhân dân. Lực lượng dân quân du kích, đoàn thanh niên luôn tích cực xây dựng các tổ, nhóm văn hoá văn nghệ. Hằng năm, Ban Văn hoá xã cùng với Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ theo hình thức liên hoan lửa trại trong các ngày lễ, ngày thu hoạch xong vụ mùa ở phố Yến Lạc. Công tác y tế chăm lo sức khoẻ cho nhân dân được chú trọng nên có nhiều tiến bộ trong phòng và khám chữa bệnh cho nhân dân. Năm 1955, Trạm y tế xã được thành lập, có 1 y tá làm Trưởng trạm và 1 nữ hộ sinh. Trạm có 1 tủ thuốc với các loại thông thường như: Thuốc cảm cúm, dầu cao con hổ, một số bông băng... Hằng năm, trong xã có khoảng 200 - 250 lượt người được khám chữa bệnh, hơn 90% các cháu nhỏ được chủng đậu. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được thực hiện rộng rãi trong nhân dân như: Thường xuyên vệ sinh nhà cửa, phát quang đường đi, lối lại, đưa chuồng gia súc ra xa nhà ở, phun thuốc diệt muỗi, v.v.. Đến năm 1957, toàn xã có khoảng 50% gia đình thực hiện ăn chín, uống sôi, vệ sinh nhà cửa, đào hố ủ phân. Nhờ vậy, tỷ lệ ốm đau thông thường trong nhân dân giảm đáng kể, sức khoẻ nhân dân được nâng lên đồng đều, trong xã không để xảy ra dịch bệnh lớn về người, gia súc, gia cầm.

Để đạt được những kết quả phần khởi trên, Chi bộ xã Bình Minh đã hết sức chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị trong xã, đặc biệt là trong công tác xây dựng Đảng.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Huyện ủy, Chi bộ đã thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tổ chức học tập quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, nhất là trong thời gian tiến hành sửa sai, vừa giải quyết công tác tư tưởng, vừa kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức. Trong 3 năm (1955 - 1957) Chi bộ đã cử 70% đảng viên đi học các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, về công tác xây dựng Đảng để nâng cao lập trường tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; trong công tác đã chú ý sửa đổi lề lối làm việc, tác phong lãnh đạo, thường xuyên đề cao ý thức tự phê bình và phê bình, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và tổ Đảng, đồng thời kiện toàn, bố trí đảng viên vào Ủy ban, Mặt trận, các đoàn thể bảo đảm ở mọi cương vị đảng viên đều có điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chi bộ đã tập trung lãnh đạo, tổ chức nhân dân hoàn thành tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc (tháng 6.1956). Đến cuối năm 1957, công tác chỉnh đốn, kiện toàn, xây dựng chi bộ về chính trị, tư tưởng và tổ chức cơ bản được thực hiện tốt.

Nhờ sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Huyện ủy, qua 3 năm phục hồi kinh tế, Chi bộ xã Bình Minh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quân và dân trong xã từng bước xây dựng địa phương vững mạnh về chính trị, kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trong quá trình đó, Chi bộ đã rút ra một số điểm đáng chú ý là: Luôn nêu cao ý chí chiến

đấu của người đảng viên, đoàn kết thống nhất, không sợ hy sinh gian khổ, không bè phái, địa vị, kèn cựa, tích cực đấu tranh tự phê bình và phê bình để xây dựng Đảng, lấy việc phục vụ nhân dân là mục đích cao nhất. Tuy nhiên, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nhân dân có lúc, có thời gian chưa đồng bộ, thống nhất, chưa có kế hoạch tổng thể ngắn hạn, dài hạn nên chưa phát huy, khai thác hết thế mạnh về sức người và điều kiện tự nhiên của địa phương. Song, những kết quả đạt được bằng sự phấn đấu nỗ lực của cán bộ, đảng viên, bằng ý chí lao động quên mình của nhân dân, trong 3 năm khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, góp phần cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện và nhân dân miền Bắc căn bản hoàn thành nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội sau chiến tranh.

Đánh giá thắng lợi sau 3 năm (1955 - 1957), tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13, tháng 12 năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: Trải qua 3 năm, nhân dân miền Bắc đã ra sức khắc phục khó khăn, lao động sản xuất thu được những thành tích to lớn trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, bước đầu phát triển văn hoá, giảm bớt khó khăn, dần dần cải thiện đời sống cho nhân dân cả ở đồng bằng và miền núi.

Năm 1958, ở miền Nam, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm tăng cường các hoạt động chống

phá phong trào cách mạng của nhân dân ta. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam tiếp tục phát triển rộng khắp cả về chính trị và quân sự. Ở miền Bắc, cuối tháng 4 năm 1958, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra Nghị quyết đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Từ những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Na Rì, Ban Chi ủy Chi bộ xã Bình Minh qua họp bàn, kiểm điểm đã xác định: Củng cố và phát triển tổ đổi công là nhiệm vụ trọng tâm, phương châm tiến hành là: Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức đối với mọi tầng lớp nhân dân; khẩu hiệu hành động là: Đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Đến giữa năm 1958, toàn xã đã xây dựng được 6 tổ đổi công, gồm hơn 200 cán bộ, đảng viên, dân quân, thanh niên, hội viên Hội Nông dân, trong đó có 100% đảng viên.

Trong quá trình xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ đổi công, giữa năm 1958, Chi bộ xã Bình Minh đã thành lập Ban Vận động xây dựng hợp tác xã do đồng chí Nông Văn Sương - Bí thư Chi bộ làm Trưởng ban. Ban Vận động xây dựng hợp tác xã đã đề ra nhiều biện pháp như: Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động, giao nhiệm vụ cho các đảng viên gương mẫu trong lao động sản xuất, lễ lối tác phong trong chỉ đạo, điều hành tổ chức các tổ đổi công, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh về quyền lợi, ý thức.

Cuối năm 1958, Hợp tác xã nông nghiệp Pò Đồn, xã Bình Minh được thành lập. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của Chi bộ, chính quyền, quân và dân xã Bình Minh trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Rút kinh nghiệm hoạt động của Ban Chủ nhiệm và xã viên Hợp tác xã Pò Đồn, đầu năm 1960, Chi bộ, chính quyền xã Bình Minh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thành lập tiếp 3 hợp tác xã với gần 80% số hộ trong các thôn tham gia.

Cũng trong thời gian này, Chi bộ, chính quyền xã Bình Minh đã lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động, tổ chức thành lập hợp tác xã tín dụng. Hơn 70% số hộ gia đình đã tham gia với khoảng 300 xã viên, mỗi xã viên đóng góp cổ phần là 2,2 đồng. Tuy nhiên, do đời sống sinh hoạt của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, lượng tiền mặt trong các gia đình thu được còn ít nên kết quả số vốn tích lũy của hợp tác xã có năm không đạt kết quả cao.

Như vậy, đến đầu năm 1960, xã Bình Minh đã thành lập được 4 hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng. 4 hợp tác xã nông nghiệp có gần 200 hộ nông dân, chiếm 80% tổng số hộ nông dân trong toàn xã. Số ruộng nương đã tập thể hoá gần 50ha; số trâu, bò đưa vào hợp tác xã hơn 100 con. 100% đảng viên cùng các nhân khẩu chính trong gia đình đều là xã viên hợp tác xã. Xã Bình Minh là 1 trong 19 xã của huyện Na Rì đã cơ bản hoàn thành

đưa nông dân vào hợp tác xã. Đây là một thắng lợi to lớn của Chi bộ, chính quyền, quân và dân xã Bình Minh trong công cuộc cải tạo, phát triển kinh tế - xã hội 3 năm (1958 - 1960).

Đi đôi với sự phát triển của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, phong trào thi đua lao động sản xuất của xã viên cũng diễn ra sôi nổi ở khắp các hợp tác xã.

Năm 1960, diện tích trồng cây lương thực và hoa màu ở xã Bình Minh đạt gần 60ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc thu hoạch được gần 70 tấn, riêng thóc đạt khoảng 50 tấn, vượt mức kế hoạch 5%. Toàn xã đã đóng thuế nông nghiệp nhanh gọn cho Nhà nước hơn 5 tấn thóc tốt. Nhờ sản xuất lương thực, hoa màu phát triển, các hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các hộ gia đình phát triển mạnh. Toàn xã có hơn 200 con trâu, bò, khoảng gần 300 con lợn, trong đó có gần 20 con lợn nái, hơn 1.000 con gia cầm các loại.

Các lĩnh vực văn hoá - xã hội ở Bình Minh tiếp tục có bước chuyển biến mới. Đến năm 1959, toàn xã đã căn bản thanh toán xong nạn mù chữ cho các lứa tuổi đến lớp theo quy định. Số học sinh phổ thông ở các lớp tăng bình quân 5%/năm. Tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt gần 90%. Cán bộ và nhân viên Trạm Y tế xã đã tích cực khám chữa bệnh cho hàng trăm lượt người, tiêm phòng và chủng đậu cho các cháu đạt 95%, phong trào vệ sinh

phòng bệnh thường xuyên được duy trì ở các gia đình trong toàn xã.

Kết thúc 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhất là trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, đời sống kinh tế, văn hoá - xã hội của nhân dân trong xã từng bước được cải thiện, bộ mặt nông thôn ở xã Bình Minh, nhất là phố Yến Lạc đã có nhiều thay đổi. Việc xác lập và thực hiện phương thức quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp đối với nông dân ở Bình Minh đã xoá bỏ tận gốc cơ sở kinh tế - xã hội của chế độ người bóc lột người. Giai cấp nông dân xã Bình Minh ngày càng lớn mạnh về mọi mặt, từ nông dân cá thể trở thành giai cấp nông dân tập thể, đóng vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

Cũng trong năm 1960, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã diễn ra nhiều sự kiện chính trị quan trọng, trực tiếp tác động đến đời sống chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Đầu tháng 5 năm 1960, cuộc bầu cử Quốc hội khoá II thành công tốt đẹp. Đầu tháng 9 năm 1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã đề ra đường lối chung của cách mạng nước ta; đường lối phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ

nhất (1961 - 1965). Đây là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 5 năm 1960, Đại hội Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ III đã đề ra chủ trương: Tập trung sức phát triển nông nghiệp trên cơ sở củng cố phong trào hợp tác xã, bảo đảm nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân; ra sức phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, phát triển cây công nghiệp, trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, v.v.. đồng thời đẩy mạnh sự nghiệp văn hoá - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Huyện ủy và tình hình cụ thể của địa phương, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Chi bộ, nhân dân xã Bình Minh hăng hái thi đua thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Về sản xuất nông nghiệp, Chi bộ, chính quyền xã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã củng cố, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành, tổ chức nhân dân lao động sản xuất, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đồng thời tích cực tuyên truyền vận động các hộ nông dân còn làm ăn riêng lẻ vào hợp tác xã. Ở phố Yến Lạc, thôn Khuổi Nần, thôn Pò Đồn có trên 90% số hộ nông dân tham gia. Tuy nhiên, phong trào xây dựng hợp tác xã ở Bình Minh phát triển chưa vững chắc, tình trạng xã viên chưa gắn bó với hợp tác xã, tự bỏ công việc của hợp tác xã đi làm ăn riêng lẻ vẫn còn xảy ra, v.v.. Song, nhìn chung kết quả đạt được trong việc vận động nhân

dân vào hợp tác xã ở Bình Minh đã khẳng định bà con nông dân đã cơ bản tự nguyện và tán thành đường lối hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng. Các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể từ xã đến các thôn ở Bình Minh được củng cố, phát triển hơn trước.

Trong quá trình củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã để đẩy mạnh sản xuất, chi bộ đã xác định cần thực hiện tốt một số nội dung cơ bản là: Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị nhằm tiếp tục nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và xã viên; tích cực nâng cao năng lực, trình độ quản lý hợp tác xã, thực hiện đúng nguyên tắc quản lý dân chủ, tập trung vào 3 nội dung: Quản lý xã hội, quản lý lao động và quản lý tài chính, ra sức cải tiến kỹ thuật canh tác, cải tiến công cụ lao động thường xuyên phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất của xã viên, các tổ chức đoàn thể, lực lượng vũ trang.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên các hợp tác xã luôn được chú trọng, từ năm 1961 đến năm 1965, Chi bộ đã tích cực lựa chọn, cử hơn 90% số cán bộ, nhân viên, xã viên gương mẫu trong các hợp tác xã đi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh tế, chuyên môn nghiệp vụ ở huyện hoặc ngay tại địa phương, tổ chức các đoàn cán bộ, xã viên lao động xuất sắc đi học tập, tham quan, rút kinh nghiệm chỉ đạo, điều hành sản xuất, kinh nghiệm hay ở các hợp tác xã điển hình trong huyện. Hằng năm, sau mỗi vụ thu hoạch hoặc sơ kết, tổng kết, Chi bộ

và Ủy ban hành chính xã cùng với Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã tổ chức rút kinh nghiệm, mở hội nghị đầu bờ, báo cáo điển hình toàn diện hoặc từng mặt về quản lý, kỹ thuật, về phương án ăn chia. Những hoạt động đó đã từng bước nâng cao trình độ, năng lực quản lý, điều hành, tổ chức xã viên lao động sản xuất, thúc đẩy phong trào thi đua. Từ tháng 2 năm 1963, thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng về cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật ở tất cả các hợp tác xã nông nghiệp trên toàn miền Bắc, chất lượng hoạt động Ban Chủ nhiệm và phong trào lao động sản xuất ở xã Bình Minh có bước phát triển mới. Từ tháng 5 năm 1963, thực hiện quản lý hợp tác xã vòng 1, các hợp tác xã có nhiều tiến bộ trong xây dựng kế hoạch sản xuất, sử dụng nhân lực lao động, làm thống kê, quyết toán sổ sách nhanh gọn. Đến cuối năm 1962, đầu năm 1963, chi bộ, Ủy ban hành chính xã đã chỉ đạo, tổ chức 2 hợp tác xã chuyển lên bậc cao.

II. ĐẢNG BỘ XÃ BÌNH MINH - XÃ LƯƠNG HẠ¹
ĐƯỢC THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN
CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ
(1963 - 1975)

Khoảng tháng 5 năm 1963, căn cứ vào Điều lệ Đảng và được sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Na Rì cùng với số lượng đảng viên hiện có, Huyện ủy ra quyết định thành

1. Ngày 12 tháng 5 năm 1964, thực hiện Quyết định số 150-NV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, xã Bình Minh đổi tên là xã Lương Hạ.

lập Đảng bộ xã Bình Minh. Ngay sau đó, Đảng bộ đã tiến hành Đại hội toàn thể đảng viên lần thứ nhất với sự tham gia của gần 40 đảng viên. Đại hội đã kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ vừa qua và đề ra phương hướng, mục tiêu lãnh đạo trong nhiệm kỳ tới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 7 đồng chí. Ban Thường vụ có 3 đồng chí. Đồng chí Lý Đình Chung được bầu làm Bí thư. Đảng bộ có 4 chi bộ của 4 hợp tác xã; cấp ủy viên của 4 chi bộ gồm 12 đồng chí.

Trong thời kỳ 1961 - 1962, thực hiện Chỉ thị số 51 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn và Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị về cuộc vận động củng cố vùng xung yếu với nội dung cơ bản là trấn áp bọn phản cách mạng. Xã Bình Minh được Huyện ủy chọn làm xã chỉ đạo thí điểm. Vì vậy, từ tháng 4 năm 1961 được sự lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của đoàn cán bộ tỉnh và huyện, chi bộ, chính quyền xã đã tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc nội dung, kế hoạch cuộc vận động xây dựng địa phương cho toàn thể cán bộ, đảng viên, lực lượng dân quân và các tầng lớp nhân dân, học sinh. Với phương châm lấy giáo dục, thuyết phục là chính kết hợp chặt chẽ với các biện pháp hành chính và kiên trì, thận trọng, Đảng bộ, Ủy ban hành chính xã đã đề ra nhiều biện pháp chỉ đạo lực lượng công an, dân quân chủ động nắm chắc tình hình của địa phương, phân loại các đối tượng, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các biểu hiện gây mất trật tự an ninh thôn bản. Từ năm 1961 đến năm 1965, nhất là từ sau vụ toán biệt kích Mỹ - nguy

nhảy dù xuống xã Phương Linh, Bạch Thông đầu tháng 9 năm 1963, các hoạt động giữ gìn trật tự trị an, làm trong sạch địa bàn ở xã càng được đẩy mạnh. Nhờ làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao giác ngộ cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong phòng chống bọn phản động và tội phạm cùng với việc thường xuyên củng cố, xây dựng cơ sở, quản lý, nắm chắc tình hình mọi mặt của địa phương nên tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở xã Bình Minh cơ bản ổn định. Những kết quả đó đã góp phần tích cực vào việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh phong trào xây dựng hợp tác xã và phong trào thi đua lao động sản xuất của cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Bình Minh.

Trong quá trình tổ chức xã viên sản xuất, được sự chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ, các hợp tác xã đều chủ động chọn những ngày bước vào vụ trồng cấy nhân các ngày lễ lớn trong năm, tổ chức phát động phong trào thi đua như: “Đèo Giàng anh dũng - Đông Xuân thắng lợi”, “Vượt gió Đại Phong - Đông Xuân chiến thắng”. Ngay từ vụ Đông Xuân 1961 - 1962, xã viên các hợp tác xã ở Bình Minh đã đẩy lên mạnh mẽ phong trào thi đua “Vượt gió Đại Phong - Đông Xuân chiến thắng”. Hưởng ứng phong trào này, hàng chục cán bộ, đảng viên, nhân viên các cơ quan huyện đã tổ chức “Ngày lao động xã hội chủ nghĩa” xuống động viên và cùng với xã viên các hợp tác xã lao động sản xuất, tạo không khí thi đua ra đồng làm việc rất sôi nổi.

Để nâng cao sản lượng lương thực, các phong trào thi đua luôn gắn chặt với các phong trào làm thủy lợi, làm phân bón, bảo đảm kỹ thuật và kỷ luật lao động. Các chiến dịch làm thủy lợi, làm phân bón được phát động rộng rãi trong các hợp tác xã mà nòng cốt là lực lượng đoàn viên thanh niên, lực lượng dân quân. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, toàn xã đã huy động được hơn một vạn ngày công tu sửa, nạo vét gần 20km mương dẫn nước, sửa chữa, làm mới hàng chục phai đập. Từ phong trào thủy lợi và làm phân bón đã xuất nhiều tấm gương điển hình được xã viên suy tôn là “kiện tướng thủy lợi”, “kiện tướng làm phân bón”. Đến năm 1964, mỗi hécta trồng lúa được bón từ 5-6 tấn phân chuồng, phân xanh; 100kg vôi bột, 50-60kg phân phốt phát. Hơn 70% ruộng đất canh tác có đủ nước tưới tiêu cho cây trồng, trong đó có gần 30ha lúa cấy 2 vụ. Các biện pháp áp dụng khoa học kỹ thuật như: Sử dụng giống lúa mới; xử lý giống 3 sôi 2 lạnh; cày sâu, bừa kỹ, thả bèo hoa dâu, cấy nhỏ đánh, thẳng hàng vừa để làm cỏ vừa trông đẹp mắt được thực hiện đại trà trong các hợp tác xã.

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện địa phương, giữa năm 1964, Đảng bộ đã lãnh đạo sắp xếp, bố trí cán bộ và tổ chức thành lập hợp tác xã mua bán xã Lương Hạ để đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng và sinh hoạt của nhân dân, đồng thời tăng nguồn tích lũy quỹ vốn, sức lao động của xã viên. Trong quá trình hoạt động, hợp tác xã mua bán xã Lương Hạ đã chủ động tiếp nhận các nguồn hàng

hoá của huyện về để phục vụ nhân dân, xã viên đã bớt được nhiều thời gian để tập trung cho sản xuất. Tính từ khi thành lập đến cuối năm 1966, nhờ có hợp tác xã mua bán, xã viên các hợp tác xã đã tiết kiệm được hàng trăm ngày công để đầu tư cho các công việc khác. Số công này quy ra công điểm tính bằng thóc được gần 5 tấn, trị giá trên 300 đồng. Ngoài ra, hợp tác xã mua bán còn tích cực thu mua nông lâm sản, thực phẩm của nhân dân cung cấp cho lực lượng vũ trang và cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước, góp phần bình ổn giá cả thị trường và cải thiện đời sống cho nhân dân.

Như vậy, đến giữa năm 1964, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân xã Lương Hạ đã phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu xây dựng “Ba ngọn cờ hồng” ở nông thôn theo chủ trương của Đảng là: Hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán.

Từ khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (5.8.1964), Đảng bộ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên, xã viên và nhân dân học tập, quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên theo chủ trương; “Vừa sản xuất, vừa chiến đấu” và đề ra những nội dung cụ thể cho quân và dân trong xã thực hiện các mục tiêu: “Lúa hàng đầu, màu hàng hai, chăn nuôi giỏi, chiến đấu tài”. Do có những tác động tích cực về mặt chính trị và kết quả cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp nên tình hình các hợp tác xã và sản xuất nông nghiệp ở xã Lương Hạ có những bước

tiến quan trọng. Cả 3 chỉ tiêu về diện tích, năng suất và sản lượng cây trồng hằng năm đều tăng trung bình 5%. Về diện tích: Năm 1964 - 1965, khai hoang được gần 30ha. Năm 1965, toàn xã cấy được 80ha. Về năng suất: Năm 1963, bình quân đạt 1,7 tấn/ha (tăng 0,3 tấn/ha); năm 1965, bình quân đạt 1,8 tấn/ha, toàn xã thu hoạch được gần 80 tấn. Với tinh thần "thóc không thiếu một cân", xã Lương Hạ đã nộp thuế nhanh chóng cho Nhà nước gần 5 tấn thóc tốt.

Các loại hoa màu khác như ngô, khoai, sắn, lạc, vừng... cả về diện tích, năng suất và sản lượng hằng năm đều đạt khá. Riêng về cây ngô năm 1963 trồng được 30ha, tổng sản lượng thu hoạch khoảng trên 30 tấn, xã đã bán cho Nhà nước 10 tấn, phần còn lại dự trữ cho nhân dân phòng khi giáp hạt.

Các hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm được đẩy mạnh ở khắp các hộ gia đình, tính trung bình thời kỳ 1961 - 1965, mỗi hộ gia đình có từ 1 đến 2 con trâu, 3 - 4 con lợn, 10 - 15 con gia cầm các loại. Năm 1965, toàn xã bán cho Nhà nước khoảng 5 tấn thịt lợn hơi và khoảng 3 - 4 tạ gia cầm.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất lương thực và chăn nuôi, một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng bước đầu được chú ý đầu tư. Đến năm 1963, xã đã xây dựng được 1 lò gạch, ngói, mỗi năm ra lò trên 1 vạn viên, 1 lò vôi mỗi năm sản xuất được 40 - 50 tấn, bảo đảm số lượng vôi cho sản xuất cây trồng

và cung cấp một phần cho xây dựng; 1 tổ cơ khí nhỏ sản xuất và sửa chữa nông cụ, dụng cụ sinh hoạt cho nhân dân. Đến năm 1965, các hợp tác xã đã xây dựng được 4 nhà kho với 20 gian, 8 lò xử lý giống, 12 nhà ủ phân, hàng chục sân phơi bằng gạch của hợp tác xã và các đội sản xuất.

Kinh tế phát triển toàn diện, đời sống sinh hoạt của nhân dân được nâng lên một bước mới, cơ sở vật chất các hộ gia đình được xây dựng, mua sắm thêm như: Giường gỗ, tủ, phích nước, đài bán dẫn, v.v..

Tuy nhiên trong quá trình tổ chức nhân dân thực hiện phương thức quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa cũng bộc lộ nhiều nhược điểm, thiếu sót như: Trình độ giác ngộ chủ nghĩa xã hội, tính tập thể, ý thức lao động tiết kiệm xây dựng hợp tác xã, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, công tác tổ chức, quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng với phương thức quan hệ sản xuất mới, nhất là khâu phân phối sản phẩm.

Về công tác lâm nghiệp, Đảng bộ đã thường xuyên chú trọng chỉ đạo, tổ chức nhân dân thực hiện tốt 3 nội dung: Khai thác, trồng mới, khoanh nuôi và bảo vệ rừng. Từ năm 1961 đến năm 1965, toàn xã đã trồng mới được hơn 10ha cây thông, bồ đề... cả tập trung và phân tán. Các khu rừng đầu nguồn thường xuyên được tu bổ, chăm sóc và bảo vệ. Bên cạnh đó, nhân dân còn tích cực thu hái sa nhân, mộc nhĩ, nấm hương... phục vụ nhu cầu tiêu dùng và trao đổi tăng thêm thu nhập trong sinh hoạt.

Song song với nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ xã Lương Hạ luôn chú trọng lãnh đạo xây dựng, phát triển các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế... nâng cao đời sống tinh thần, sức khoẻ và sự tiến bộ của nhân dân.

Về công tác giáo dục phổ thông và bổ túc văn hoá, từ năm 1961 đến năm 1965, xã tiếp tục ổn định hệ thống giáo dục cấp I và các lớp vỡ lòng. Hằng năm số học sinh vào cấp I tăng 10%, cấp II tăng từ 3-4%, cấp III tăng từ 1-2%. Năm học 1964 - 1965, số học sinh vỡ lòng có 70 em, sang năm học 1965 - 1966 có gần 100 em; năm học 1964 - 1965, số học sinh cấp I có gần 30 em; năm học 1965 - 1966 có gần 40 em; năm học 1964 - 1965, số học sinh cấp II có khoảng 30 em. Phong trào bổ túc văn hoá phát triển mạnh mẽ và đều khắp ở các thôn bản, đến tháng 8 năm 1965, xã Lương Hạ đã cơ bản hoàn thành kế hoạch bổ túc văn hoá cho nhân dân. Đặc biệt từ năm học 1964 - 1965, trong bối cảnh cả nước có chiến tranh, công tác giáo dục trong xã tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua "Hai tốt", động viên thầy, trò vượt qua khó khăn để bảo đảm dạy tốt, học tốt.

Hoạt động văn hoá, thông tin tuyên truyền cũng có nhiều tiến bộ, từ năm 1961 đến năm 1965, Ban Văn hoá thông tin đã nhận và phát hành hàng chục ấn phẩm báo chí với hàng nghìn bản như: Báo *Bắc Thái*, Báo *Nông nghiệp*, Báo *Khoa học - đời sống*, v.v.. kịp thời tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, nhân dân các tri thức thời sự, đường lối, chính sách của Đảng. Trong 5 năm (1961 - 1965)

toàn xã đã kê được hàng nghìn khẩu hiệu, panô lớn nhỏ cổ động phong trào lao động sản xuất, vệ sinh phòng bệnh, đóng thuế nông nghiệp, đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, v.v.. Các hoạt động giao lưu, biểu diễn văn hoá, văn nghệ thường xuyên được duy trì trong các chi đoàn thanh niên và nhà trường. Phong trào xây dựng nếp sống văn hoá, vệ sinh phòng bệnh được tổ chức rộng khắp, góp phần tích cực thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, công tác và học tập phát triển. Tuy nhiên, mức hưởng thụ văn hoá như: Xem phim, xem văn công của cấp trên còn quá thấp, công tác giáo dục vận động nhân dân bỏ các hủ tục trong một số thôn chưa được chú ý thường xuyên.

Về y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân được tăng cường thêm một bước. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chương trình “phòng bệnh hơn chữa bệnh” được thực hiện đồng đều ở các thôn và các tầng lớp nhân dân, nhất là ở phố Yến Lạc. Đặc biệt, phong trào chống sốt rét được Đảng bộ, chính quyền, cán bộ y tế quan tâm chú ý. Hằng năm, ở các hộ gia đình, nơi làm việc công cộng được phun thuốc diệt muỗi từ 1-2 lần. Đường đi, lối lại trong thôn hằng tuần được tổng vệ sinh, các bụi rậm quanh nhà được phát quang, vũng bùn lầy, nước đọng được nạo vét, vệ sinh sạch sẽ. Đến năm 1965, toàn xã có hơn 10% gia đình đã có giếng xây, 30% số chuồng chăn nuôi gia súc được xây gạch sạch sẽ và chuyển xa nơi ở. Tiêu biểu là nhân dân phố Yến Lạc, Bản Pò.

Phong trào rèn luyện sức khoẻ, thể dục thể thao luôn được phát động, đẩy mạnh ở trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên và học sinh. Đoàn xã đã tổ chức được 1 đội bóng chuyền, thường xuyên tổ chức thi đấu giao lưu với đội bóng chuyền của các xã Kim Lư, Lam Sơn... nhân các ngày tết, ngày lễ trong năm, tạo bầu không khí vui tươi, lành mạnh trong nhân dân, góp phần tích cực nâng cao sức khoẻ và giáo dục toàn diện con người mới xã hội chủ nghĩa ở Lương Hạ phục vụ lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu.

Để đạt được kết quả toàn diện trên, Đảng bộ luôn chú trọng, củng cố, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng và coi đây là nhân tố quyết định tổ chức mọi thắng lợi của quân và dân trong xã.

Trong công tác xây dựng Đảng, căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Đảng ủy xã Lương Hạ sau mỗi nhiệm kỳ đại hội đã chủ động xây dựng kế hoạch: Giáo dục chính trị, tư tưởng, kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng, đào tạo cấp ủy viên, đảng viên, cán bộ và phát triển đảng viên mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng. Từ đó, xây dựng chương trình hành động của Đảng ủy, chi bộ, tổ Đảng và đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ. Hằng năm, Đảng bộ đã chủ động đề nghị Huyện ủy cử phái viên về mở các lớp bồi dưỡng chính trị cho đảng viên. Kết hợp giữa việc giáo dục, đào tạo tại chỗ thông qua thực tiễn công tác, Đảng ủy đã cử hàng chục cán bộ, đảng viên đi tập huấn, đào tạo ở cấp

huyện và tỉnh. Từ cuối năm 1962 đến năm 1965, 100% số bí thư, cấp ủy được tập huấn, bồi dưỡng về công tác xây dựng Đảng, về 7 nhiệm vụ xây dựng chi bộ, đảng viên 4 tốt¹, 95% số cán bộ, đảng viên được học tập, quán triệt 10 nhiệm vụ và nội dung phần đấu đảng viên 4 tốt. Qua học tập và sinh hoạt Đảng, tuyệt đại bộ phận đảng viên đều nâng cao được nhận thức về tình hình nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ “vừa sản xuất, vừa chiến đấu” của địa phương. Năng lực lãnh đạo, tổ chức, sức chiến đấu của Đảng bộ và đảng viên đã thể hiện rõ tổ chức đảng, đảng viên thực sự là bộ phận tiên tiến của giai cấp nông dân ở nông thôn. Sau các đợt chỉ huấn theo chỉ thị của Huyện ủy và thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng chi bộ, đảng viên 4 tốt”. Năm 1963, Đảng bộ xã Lương Hạ từ yếu kém đã vươn lên đạt tiêu chuẩn Đảng bộ khá. 100% các hợp tác xã đều có chi bộ trực tiếp lãnh đạo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng chi bộ, đảng viên 4 tốt” ở Lương Hạ từ cuối năm 1965 trở đi mới được đẩy mạnh trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức trong toàn Đảng bộ.

Trong củng cố, xây dựng chính quyền: Khi bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) và sau mỗi nhiệm kỳ đại hội chi bộ, Đảng bộ, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể trong xã đã nhanh chóng kiện toàn về đội ngũ cán bộ để chỉ đạo, điều

1. 4 tốt là: Lãnh đạo tốt sản xuất; lãnh đạo tốt việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước; quan tâm tới đời sống quần chúng và làm tốt công tác vận động quần chúng; làm tốt công tác củng cố và phát triển Đảng.

hành, tổ chức nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình trong mọi hoạt động. Đặc biệt, trong các lần bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, chi bộ, Đảng bộ đã lãnh đạo, tổ chức cử tri phát huy quyền lợi, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng chính quyền Nhà nước. Ngày 26 tháng 4 năm 1964, Đảng bộ đã lãnh đạo, tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội khóa III nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Hội đồng nhân dân 3 cấp (tỉnh, huyện, thị và xã) thành công với hơn 98% số cử tri đi bầu.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nguồn sức mạnh tổng hợp của Đảng và chính quyền dân chủ nhân dân là khối đại đoàn kết toàn dân, thấm nhuần sâu sắc quan điểm của Đảng ta: Sự nghiệp cách mạng là của quần chúng nên chi bộ, Đảng bộ hết sức quan tâm, chăm lo đến đời sống của nhân dân, đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Trong thời kỳ này, Mặt trận Tổ quốc xã Lương Hạ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp các tổ chức đoàn thể, lực lượng quần chúng đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, chấp hành và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Các đoàn thể như Hội Nông dân, Phụ lão, Phụ nữ, nhất là Đoàn Thanh niên, lực lượng xung kích của Đảng đã luôn được chi bộ, Đảng bộ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nên đã thu được nhiều kết quả rất quan trọng.

Trong những năm 1961 - 1965, Đoàn Thanh niên xã Lương Hạ đã thường xuyên tổ chức các đợt học tập, sinh hoạt chính trị, quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nhiệm vụ chính trị của địa phương cho đoàn viên, thanh niên. Từ năm 1963, các chi đoàn, phân đoàn, đoàn viên, thanh niên đã đẩy lên phong trào học tập, công tác, phấn đấu rèn luyện xây dựng Đoàn cơ sở, chi đoàn, phân đoàn và đoàn viên 4 tốt. 100% số đoàn viên, phân đoàn, chi đoàn đã tổ chức ký kết phong trào thi đua "Vượt mức kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất" bằng các hoạt động cụ thể như: Xung kích đi đầu trong công tác thủy lợi, làm phân bón, nhận chăm sóc ruộng xấu, xây dựng các cánh đồng 3 tấn, 4 tấn, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, v.v.. Đến cuối năm 1964, Đoàn cơ sở xã Lương Hạ có 8 chi đoàn với gần 100 đoàn viên và hơn 200 nam, nữ thanh niên. Ngày 26 tháng 3 năm 1965, nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Đoàn, Ban Bí thư Trung ương Đoàn đã phát động phong trào "Ba sẵn sàng". Sau khi được học tập, quán triệt các nội dung phong trào "Ba sẵn sàng" và các chỉ thị, nghị quyết của Huyện đoàn Na Rì, 100% đoàn viên, thanh niên trong xã đã hăng hái ghi tên đăng ký thực hiện phong trào "Ba sẵn sàng" với quyết tâm đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, học tập, công tác, sẵn sàng lên đường nhập ngũ chiến đấu chống Mỹ, cứu nước. Qua các phong trào thi đua, hàng chục thanh niên đã được kết nạp vào Đoàn, hàng chục đoàn viên ưu tú được tặng danh hiệu "Ba sẵn sàng". Năm 1965, 100% các chi

đoàn ở xã Lương Hạ đều đạt tiêu chuẩn “Chi đoàn 4 tốt”, tiêu biểu là Chi đoàn phố Yến Lạc liên tục đạt danh hiệu “Chi đoàn 4 tốt”. Đánh giá phong trào thanh niên trong năm 1965, Đảng ủy xã khẳng định: Phong trào “Ba sẵn sàng” ở xã Lương Hạ đã có tác dụng to lớn trong việc động viên nhân lực, vật lực cho thời chiến, đã cổ vũ tinh thần hăng hái của đoàn viên thanh niên trong xã lên đường nhập ngũ, tái ngũ, đi thanh niên xung phong, tham gia dân quân luyện tập quân sự, xây dựng trận địa sẵn sàng chiến đấu với khí thế cách mạng sôi nổi.

Hội Phụ nữ và hội viên phụ nữ của xã là lực lượng có vai trò to lớn thúc đẩy các phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Ban Chấp hành Hội Phụ nữ xã cùng đội ngũ cán bộ Chi hội Phụ nữ các thôn luôn bám sát các chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, nghị quyết của Chi bộ, Đảng bộ đã tích cực giáo dục, tuyên truyền, vận động chị em thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, học tập, công tác, xây dựng đời sống mới trong gia đình và địa phương. Từ các phong trào “5 tấn”, “Ba đảm nhiệm” hơn 80% chị em ở xã Lương Hạ đã hăng hái thi đua lo việc nước, đảm việc nhà và hoàn thành tốt vai trò người chiến sĩ “Tay cày, tay súng”.

Tháng 3 năm 1965, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động phong trào “Ba đảm đang”, toàn xã đã có hơn 200 chị em đã đăng ký. Tổng kết năm 1965, toàn xã có gần 100 chị em đạt danh hiệu phụ nữ “Ba đảm

đang". Từ trong phong trào thi đua "Ba đảm đang" của phụ nữ xã Lương Hạ, toàn xã đã có 5 chị em là Ủy viên Hội đồng nhân dân xã, 4 chị là cán bộ Ban Quản trị hợp tác xã, hàng chục chị em là đội trưởng, đội phó sản xuất, tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn kỹ thuật, là giáo viên dạy giỏi, cán bộ đoàn gương mẫu.

Cùng góp sức thi đua và nêu gương tốt cho con cháu noi theo, các cụ phụ lão trong xã đã tích cực tham gia thực hiện phong trào "Phụ lão 3 giỏi" với những hoạt động cụ thể như: Trồng cây, chăn nuôi, trông giữ các ao cá của hợp tác xã, đảm nhiệm công việc gia đình, góp phần quan trọng động viên nhân dân và con cháu đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu và lên đường nhập ngũ chiến đấu chống Mỹ, cứu nước.

Xây dựng hệ thống chính trị là sự chuẩn bị vững vàng về mặt chính trị ở hậu phương để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nhân dân, lực lượng vũ trang có đủ khả năng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc, xuất phát từ tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Chi bộ xã Lương Hạ (năm 1963 là Đảng bộ) đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nhân dân, lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nhiệm vụ quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và sự chỉ đạo, chỉ huy của Ban Chỉ huy Huyện đội, từ năm 1954 đến năm 1965, Chi bộ, Đảng bộ xã Lương Hạ luôn chú trọng bố trí, kiện toàn đội ngũ cán bộ Ban Chỉ huy Xã đội đủ về số lượng và nâng cao chất lượng, được học tập, bồi dưỡng kiến thức về chính trị, quân sự. Ban Chỉ huy Xã đội đã tham mưu cho Đảng bộ trực tiếp tổ chức các hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang địa phương có số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng cao đáp ứng yêu cầu là lực lượng nòng cốt trong xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân và trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Về xây dựng lực lượng, Ban Chỉ huy Xã đội luôn xác định tổ chức, xây dựng, lực lượng dân quân theo 3 nguyên tắc: Theo địa dư thôn bản; theo quy mô tổ đổi công, hợp tác xã, thuận lợi trong tác chiến và giữ gìn trật tự trị an. Lực lượng dân quân được phân thành: Lực lượng nòng cốt, thường xuyên được học tập chính trị, huấn luyện quân sự, được trang bị vũ khí gọi là dân quân 1 (18 - 30 tuổi); lực lượng dân quân trong độ tuổi quy định (31- 45) rộng rãi gọi là dân quân 2. Từ năm 1954 đến năm 1960, toàn xã luôn có 1 trung đội dân quân với khoảng 40 cán bộ, chiến sĩ. Từ năm 1961 đến năm 1965, có 2 trung đội dân quân với gần 80 cán bộ, chiến sĩ, tỷ lệ đảng viên chiếm khoảng 5 - 7%; đoàn viên, thanh niên chiếm khoảng trên 80%. Ngoài ra mỗi thôn bản còn có 1 tiểu đội dân quân rộng rãi có từ 10 - 15 chiến sĩ, lực lượng này được đảng

ký chặt chẽ, sẵn sàng bổ sung cho lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Hằng năm, lực lượng dân quân 1 được tổ chức học tập chính trị, huấn luyện quân sự theo chương trình quy định của trên, bảo đảm thời gian, quân số đạt trên 95%. Năm 1961, được sự chỉ đạo của Huyện đội, Ban Chỉ huy Xã đội đã tham mưu cho Chi bộ, Ủy ban hành chính xã tổ chức đợt diễn tập động viên lực lượng dân quân ở Bình Minh - Lương Hạ với mục đích kiểm tra công tác sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo đảm hậu cần được Huyện đội đánh giá đạt kết quả tốt.

Từ khi đế quốc Mỹ tăng cường các hoạt động trinh sát, do thám bằng máy bay, thả biệt kích xuống nhiều địa bàn trên miền Bắc, các hoạt động tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của dân quân xã Lương Hạ được nâng lên một bước, nhất là trong các hoạt động thực tập phòng chống, vây bắt biệt kích, gián điệp. Năm 1963, toàn xã đã 2 lần tổ chức báo động, thực hành diễn tập vây bắt biệt kích đạt kết quả tốt. Trong mỗi lần diễn tập, các lực lượng dân quân, công an và nhân dân, từ cụ già đến thiếu niên đã nhanh chóng cầm các loại vũ khí, gậy gộc lên đường tham gia vây bắt biệt kích theo phương án tác chiến. Từ năm 1964, Ban Chỉ huy Xã đội đã tham mưu với Ủy ban hành chính xã thành lập các đội thanh niên cờ đỏ, đội bảo vệ, tăng cường các hoạt động tuần tra canh gác, nắm chắc tình hình địch, quản lý chặt chẽ các đối tượng nghi vấn. Ban Công an xã đã tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch, nội dung cơ bản về quy ước và bảo vệ trị an trong xã, liên xã.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát của Đảng bộ và chính quyền xã, hoạt động tích cực của lực lượng công an, dân quân và các tầng lớp nhân dân, phong trào bảo vệ trị an ở xã Bình Minh - Lương Hạ (tháng 5.1964 xã Bình Minh đổi thành xã Lương Hạ) luôn được triển khai rộng khắp và toàn diện. Từ năm 1963 đến năm 1965, xã Bình Minh - Lương Hạ luôn được Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện Na Rì đánh giá là đơn vị có phong trào bảo vệ trật tự trị an, xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân đạt khá.

Cuối năm 1963, đầu năm 1964, trước những bước leo thang mới của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 12 năm 1963 ra Nghị quyết xác định: Nhân dân và các lực lượng vũ trang trên miền Bắc phải tăng cường hơn nữa tiềm lực kinh tế và quốc phòng, đẩy mạnh công tác chi viện cho miền Nam về mọi mặt, đồng thời khẩn trương chuẩn bị sẵn sàng đánh bại hành động mở rộng chiến tranh xâm lược của địch.

Tháng 1 năm 1964, Hội nghị phòng không nhân dân miền Bắc lần thứ nhất đề ra những biện pháp phòng tránh và đánh trả không quân Mỹ và yêu cầu các đơn vị làm tốt công tác phòng không, sơ tán, vận động nhân dân đào hầm hào trú ẩn cho người và tài sản.

Đầu năm 1965, chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ngày càng lan rộng ra nhiều tỉnh, thành phố, thị xã trên miền Bắc. Trước tình hình đó, tháng 3 năm 1965, Tỉnh ủy ra Nghị quyết chuyên đề

số 35-NQ/BK về công tác quân sự địa phương. Cuối tháng 3 năm 1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 ra Quyết định: “Chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng về xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng từ thời bình sang thời chiến”. Thực hiện Nghị quyết số 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 35 của Tỉnh ủy, mọi hoạt động chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng về xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng - an ninh, chế độ làm việc của các cơ quan, đoàn thể, hoạt động của lực lượng vũ trang toàn tỉnh chuyển sang thời chiến¹.

Từ yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu đánh trả máy bay địch và công tác phòng không nhân dân, theo chỉ thị của trên, tháng 6 năm 1965, Ban Phòng không nhân dân xã Lương Hạ được thành lập. Ban Phòng không nhân dân xã cùng với Ban Chỉ huy Xã đội xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân, thành lập 1 đội cứu hoả gồm 20 dân quân, 6 đội cứu sập gồm 60 dân quân, 6 tổ cứu thương gồm 30 dân quân. Đến tháng 8 năm 1965, lực lượng dân quân, xã viên, thầy, cô giáo và học sinh trong xã đã đào hàng trăm mét khối đất đá, sử dụng hàng trăm cây tre, gỗ làm hầm hào phòng tránh cho người, gia súc và cất giấu tài sản, lương thực. Các khu vực như trụ sở Ủy ban, hợp tác xã, trường học, cửa hàng mua bán, v.v.. đều có hầm hào giao thông trú ẩn, phòng tránh cho người.

1. Ngày 21 tháng 4 năm 1965, tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, Na Rì là một huyện của tỉnh Bắc Thái.

Trong công tác động viên tuyển quân, do thực hiện tốt việc củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương về chính trị, tư tưởng, tổ chức, biên chế và huấn luyện nên xã Lương Hạ luôn có nguồn lực lượng dự bị đủ điều kiện vừa sẵn sàng chiến đấu tại chỗ, vừa sẵn sàng lên đường nhập ngũ, bổ sung cho chiến trường. Năm 1959, thực hiện thí điểm Luật Nghĩa vụ quân sự, Ban Chỉ huy Xã đội đã tham mưu cho Chi bộ, Ủy ban hành chính xã thành lập Hội đồng Nghĩa vụ quân sự xã do đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính xã làm Chủ tịch, đồng thời xây dựng kế hoạch, tổ chức 2 đợt học tập những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự cho 95% số cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ cuối năm 1958 sang đầu năm 1959, toàn xã đã có gần 100 thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ (18 - 27 tuổi) đăng ký ghi tên vào lực lượng dự bị, sẵn sàng lên đường nhập ngũ. Từ năm 1960 đến năm 1964, toàn xã đã tiễn gần 10 thanh niên lên đường nhập ngũ. Tháng 4 năm 1965, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh ban hành "Luật Nghĩa vụ quân sự thời chiến", hàng trăm cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, bộ đội phục viên, xuất ngũ đã đăng ký, khám tuyển và lên đường nhập ngũ chống Mỹ, cứu nước. Năm 1965, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân xã Lương Hạ đã cử gần 10 thanh niên trẻ khỏe lên đường nhập ngũ. Ngày thanh niên lên đường đi bộ đội, cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể, nhân dân và người thân đã tổ chức liên hoan chia tay, tặng quà tân binh tung bừng náo nhiệt đã trở thành ngày hội tòng quân của quần chúng.

Đồng bào rất tự hào có chồng, con em mình lên đường đi đánh giặc, cứu nước và làm nghĩa vụ quốc tế.

Về thực hiện chính sách hậu phương Quân đội, Chi bộ, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân xã Bình Minh - Lương Hạ đã thường xuyên thực hiện tốt chính sách hậu phương Quân đội như: Điều hòa lương thực, thực phẩm, sắp xếp các công việc lao động sản xuất, công tác thuận tiện, cấp phát các chế độ đúng, kịp thời cho gia đình chính sách. Con em của các liệt sĩ, thương binh, bộ đội, thanh niên xung phong luôn được các đoàn thể, nhân dân, thầy cô giáo quan tâm chăm lo, số cán bộ, chiến sĩ phục viên, xuất ngũ, gia đình có công với cách mạng, gia đình có người đi bộ đội được hướng dẫn kê khai hồ sơ đề nghị cấp trên và Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng gia đình vẻ vang, Bằng vàng danh dự, Bằng có công với nước. Việc chấp hành, thực hiện tốt các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với các gia đình chính sách ở xã Lương Hạ không những góp phần quan trọng khích lệ, động viên lớp lớp thanh niên lên đường đi bộ đội, thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước mà còn thúc đẩy nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, xây dựng quê hương và đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Sau những năm tháng cần kiệm lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, nhất là trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Chi bộ, Đảng bộ, quân và dân xã Bình Minh - Lương Hạ luôn quán triệt sâu sắc các

chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên, vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào điều kiện cụ thể của địa phương để xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - quân sự địa phương luôn được củng cố, xây dựng, phát triển cả về bề rộng và chiều sâu nhằm thực hiện thắng lợi lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại kỳ họp thứ II, Quốc hội khoá III (4.1965): “Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của tất cả mọi người Việt Nam yêu nước. Tất cả chúng ta hãy đoàn kết nhất trí triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”¹.

Ngày 5 tháng 9 năm 1965, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ diễn ra hết sức ác liệt tại thị xã Bắc Kạn và một số khu vực trong tỉnh. Các lực lượng vũ trang thị xã Bắc Kạn đã anh dũng chiến đấu bắn tan xác 1 máy bay của giặc Mỹ. Quân và dân thị xã Bắc Kạn đã vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng Cờ thưởng luân lưu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Chiến công bắn rơi máy bay Mỹ cùng với Cờ thưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm nức lòng quân và dân trong tỉnh, kịp thời cổ vũ, động viên quân và dân xã Lương Hạ hăng hái đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng quê hương, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 434-435.

Trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, từ các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, Đảng bộ xã Lương Hạ luôn xác định trước hết phải xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tập hợp và tổ chức nhân dân hoàn thành mọi nhiệm vụ, trong đó, củng cố, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao là nhân tố quyết định tổ chức mọi thắng lợi của quân và dân trong xã.

Về công tác xây dựng Đảng và đội ngũ đảng viên, Đảng bộ xã do đồng chí Lý Đình Chung làm Bí thư đã thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của cấp trên, nghị quyết của Đảng bộ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Các đợt học tập, sinh hoạt chính trị trong Đảng bộ đều gắn chặt với nội dung Cuộc vận động “Xây dựng tổ chức đảng và đảng viên 4 tốt”. Qua học tập đã tạo ra sự nhất trí cao về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng bộ và nhân dân, động viên được ý chí, tinh thần hăng hái, phấn khởi của nhân dân quyết tâm vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Những năm 1967 - 1968, Cuộc vận động “Xây dựng tổ chức đảng và đảng viên 4 tốt” càng được đẩy mạnh trong toàn Đảng bộ và đạt được nhiều kết quả tốt trong các hoạt động lãnh đạo xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, trong xây dựng, tổ chức lực lượng dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và động viên, thanh niên lên đường đi bộ đội, thanh niên xung phong. Hằng năm, Đảng bộ luôn được Huyện ủy công nhận là “Đảng bộ 4 tốt”,

góp phần vào thành tích chung của Đảng bộ huyện Na Rì. Về công tác phát triển Đảng, Đảng bộ đã thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, phân công đảng viên giúp đỡ các quần chúng tiêu biểu trong phong trào thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là thông qua kết quả hoàn thành nhiệm vụ trong phong trào “Ba sẵn sàng” và “Ba đảm đang”. Từ cuối năm 1966 đến năm 1968, Đảng bộ đã kết nạp được hơn 10 đảng viên.

Trong các năm 1969 - 1972, bên cạnh việc thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng tổ chức đảng và đảng viên 4 tốt”, Đảng bộ đã tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 175 (4.1969); số 195 (3.1970) của Bộ Chính trị nhằm nâng cao hơn nữa ý chí, tinh thần chống Mỹ, cứu nước với khẩu hiệu: Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược; tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Từ đồng chí Bí thư Đảng ủy, bí thư chi bộ, cấp ủy viên tới các đảng viên đều xác định rõ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của cá nhân, nêu cao tinh thần đoàn kết, đấu tranh tự phê bình và phê bình thẳng thắn, có liên hệ kiểm điểm thấu đáo, đồng thời xây dựng kế hoạch sửa chữa, phấn đấu theo 7 nội dung nâng cao chất lượng đảng viên. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra Đảng được tiến hành chặt chẽ có lý, có tình nhưng rất nghiêm túc đã làm chuyển biến mạnh mẽ số đảng viên thiếu tiền phong gương mẫu. Số đảng viên vi phạm chính sách, Điều lệ Đảng đã tích cực sửa chữa, hăng hái phấn đấu, rèn luyện trong công tác để lấy lại

được lòng tin của quần chúng. Với nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, sâu sát, cụ thể, kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, trong đó lấy xây là mục đích, đặc biệt thông qua học tập Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị, vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ xã Lương Hạ từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu.

Công tác phát triển đảng viên luôn được Đảng bộ quan tâm đúng mức, nhất là việc nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Trong 4 năm (1969 - 1972) Đảng bộ kết nạp hơn 10 đảng viên trong đó có 2 nữ. Số đảng viên mới tiếp tục được giáo dục, rèn luyện, qua công tác đã phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1973 đến năm 1975, sau khi Hiệp định Pari được ký kết, công tác xây dựng Đảng bộ ngang tầm với nhiệm vụ trong tình hình mới tiếp tục được thực hiện theo Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Vì vậy, công tác xây dựng Đảng đã tạo ra chuyển biến rất tích cực, vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên trở thành hành động cách mạng cụ thể trong lao động sản xuất, xây dựng địa phương và trong các hoạt động chi viện sức người, sức của cho chiến trường đánh Mỹ.

Công tác xây dựng chính quyền luôn được củng cố, tăng cường đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, tổ chức nhân dân thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chiến

đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Qua các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và lựa chọn những cán bộ, đảng viên, quần chúng vừa hồng vừa chuyên vào Hội đồng nhân dân cấp xã. Ngày 27 tháng 4 năm 1969, Đảng bộ đã lãnh đạo, tổ chức nhân dân hoàn thành tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp, tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt trên 97%. Ngày 11 tháng 4 năm 1971, xã Lương Hạ có 98% cử tri đi bầu cử Quốc hội khoá IV và Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã. Thông qua các cuộc bầu cử, ý thức trách nhiệm của nhân dân được nâng lên một bước, cơ quan quyền lực và bộ máy quản lý, điều hành cấp xã, thôn, bản được củng cố, kiện toàn, tăng cường chất lượng, hoạt động có hiệu quả hơn. Ngày 6 tháng 4 năm 1975, hơn 98% cử tri xã Lương Hạ đi bầu cử Quốc hội khoá V và Hội đồng nhân dân các cấp. Đảng bộ chú ý lựa chọn những đồng chí có năng lực, phẩm chất tăng cường cho bộ máy chính quyền, các ban, ngành ở xã theo hướng đi dần vào quản lý kinh tế, nhất là trong sản xuất nông nghiệp. Hội đồng nhân dân xã được bầu có 17 đại biểu, trong đó có 12 đảng viên, 5 quần chúng, tỷ lệ nữ chiếm trên 30%. Hội đồng nhân dân xã bầu đồng chí Hoàng Ký Loòng làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Trong quá trình củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền xã, hằng năm kết hợp giữa việc đào tạo, đúc rút kinh nghiệm qua hoạt động thực tiễn ở địa phương. Đảng bộ đã cử từ 10 - 12 cán bộ đi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực ở huyện, trong đó có từ 2-3 đồng chí đi học tập ở Trường Đảng, Trường Hành chính của tỉnh và khu.

Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, vừa sản xuất, vừa chiến đấu và tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, nhiệm vụ tập hợp, tổ chức lực lượng toàn dân tham gia luôn là những công việc rất bức thiết. Bởi vậy, được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ xã, từ năm 1965 đến năm 1975, Mặt trận Tổ quốc xã đã tổ chức thành công các đại hội “Toàn dân đoàn kết”, “Phụ lão 3 giỏi”, v.v.. đồng thời tổ chức các buổi toạ đàm, tuyên truyền, giáo dục cho hàng nghìn lượt đồng bào trong xã nâng cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; động viên, cổ vũ đông đảo quần chúng tăng cường đoàn kết, tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, phục vụ chiến đấu, giữ gìn trật tự trị an thôn bản. Tiêu biểu trong các phong trào thi đua ở xã Lương Hạ là các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ thực hiện phong trào “Ba sẵn sàng” và “Ba đảm đang”.

Từ giữa năm 1966, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ngày càng diễn ra hết sức ác liệt trên miền Bắc. Ngày 17 tháng 7 năm 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước. Người tuyên bố: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” và phát huy truyền

thống cách mạng của quê hương, các phong trào “Ba sẵn sàng, “Ba đảm đang” của lực lượng đoàn viên, thanh niên ở Lương Hạ đã biến thành hành động cụ thể trên mặt trận lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xung phong lên đường nhập ngũ. Cuối năm 1966, Đại hội liên hoan phong trào “Ba sẵn sàng” và “Ba đảm đang” lần thứ nhất của tỉnh đã nhiệt liệt biểu dương, khen ngợi lực lượng đoàn viên, thanh niên nam nữ trong tỉnh đã lập được nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, lao động sản xuất, học tập và công tác, trong đó có lực lượng tuổi trẻ xã Lương Hạ.

Sau Đại hội, phong trào Đoàn ngày càng sôi nổi và chất lượng các hoạt động của Đoàn cũng nâng lên rõ rệt. Từ năm 1967 đến năm 1975, Ban Chấp hành Đoàn xã đã thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, tổ chức đoàn viên thanh niên học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của Đoàn, thực hiện sâu rộng Cuộc vận động “Xây dựng chi đoàn, phân đoàn và đoàn viên 4 tốt”. Hằng năm, đoàn cơ sở xã Lương Hạ có trên 60% đoàn viên đạt “4 tốt”, tiêu biểu là các chi đoàn phố Yến Lạc, Pò Đồn, Trường cấp II. Công tác phát triển đoàn viên luôn được cấp ủy, Đoàn cơ sở quan tâm nên bình quân hằng năm đã có hàng chục thanh niên được kết nạp vào Đoàn. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, kiện toàn đội ngũ cán bộ Hội đồng nhân dân, Ủy ban, các ban, ngành, đoàn thể, lực lượng thanh niên nam nữ tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang” đã được

các cấp ủy, Đảng ủy, đề cử, bố trí vào các cấp lãnh đạo, chỉ đạo mỗi nhiệm kỳ từ 20 - 30%, phần đông là các chị em “Ba đảm đang”. Đến năm 1967, toàn xã có trên 400 chị em, trong đó có trên 200 chị đạt danh hiệu “Ba đảm đang”, 5 chị là Ủy viên Hội đồng nhân dân, 2 chị trong Ban Chấp hành Đoàn xã, 4 chị trong Ban Chủ nhiệm hợp tác xã hợp nhất. Số cán bộ trung, sơ cấp kỹ thuật nông nghiệp là nữ chiếm hơn 40%, riêng y tế chiếm 70 - 80% và hàng trăm bà mẹ tham gia Hội mẹ chiến sĩ.

Công tác giáo dục thiếu niên nhi đồng với các chủ đề “Làm nghìn việc tốt” thực hiện “5 điều Bác Hồ dạy”, v.v.. đã thu hút hàng trăm em tham gia vào các tổ như: Chăn nuôi trâu bò béo khỏe, làm phân xanh, thả bèo hoa dâu, tổ bảo vệ lúa, tổ giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội, gia đình neo đơn, v.v.. Tiêu biểu là các liên chi đội, chi đội thiếu niên Trường cấp I, Liên Chi đội phố Yến Lạc. Trong quá trình các em hoạt động, Ban Chấp hành Đoàn xã, các chi đoàn, các anh chị đoàn viên thanh niên đã chú ý giáo dục, giúp đỡ nên hằng năm toàn xã có trên 70% các chi đội thiếu niên tiên phong đạt xuất sắc hoặc tiên tiến, hàng chục em đạt danh hiệu Cháu ngoan Bác Hồ, khi hết tuổi thiếu niên đã có trên 90% các em được kết nạp vào Đoàn, nhất là số học sinh đi học ở Trường cấp III huyện.

Phong trào “Phụ lão ba giỏi” ở xã Lương Hạ ngày càng phát triển rộng khắp các thôn bản thu hút trên 80% các cụ ông cụ bà vào các đội Bạch đầu quân, Hội mẹ chiến sĩ, các đội trồng cây, chăn nuôi, trông giữ các nhà kho,

ao cá của hợp tác xã, v.v.. Nhìn chung, từ năm 1966 đến năm 1975, bình quân mỗi năm ở xã Lương Hạ có từ 40 - 50 cụ ông, cụ bà đạt danh hiệu “Phụ lão ba giỏi”, nêu tấm gương sáng cho con cháu noi theo. Điển hình là phong trào “Phụ lão ba giỏi” ở phố Yến Lạc, Khuổi Nần, Pò Đồn.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức cụ thể của Đảng bộ và đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, phát động thi đua, quân và dân xã Lương Hạ đã thực sự tạo ra được sức mạnh về vật chất, về ý chí và tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, từ nguồn nội lực của chính mình, đáp ứng kịp thời các yêu cầu chi viện sức người, sức của cho chiến trường và bảo đảm ổn định, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân trong xã.

Từ thời bình chuyển sang thời chiến và mặc dù chiến tranh ngày càng diễn ra ác liệt nhưng Đảng bộ, chính quyền, quân và dân xã Lương Hạ vẫn tập trung mọi trí lực đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo chủ trương của Đảng là: Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: Cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học kỹ thuật, cách mạng về tư tưởng văn hoá, trong đó lấy cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI với những nội dung cơ bản là: “Phát triển sản xuất lương thực là trọng tâm, đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, coi trọng phát triển hoa màu, chăn nuôi trâu, bò, lợn để hỗ trợ cho trồng trọt... giải quyết

vững chắc về vấn đề lương thực, thực phẩm. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố xây dựng lực lượng dân quân, đẩy mạnh công tác giữ gìn trật tự an ninh xã hội; tích cực củng cố, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh". Từ nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, tháng 4 năm 1965, Đảng bộ xã Lương Hạ đã tổ chức học tập, quán triệt cho toàn thể cán bộ, đảng viên, quân và dân trong xã.

Đối với vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp theo hai hình thức: Sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Từ giữa năm 1965, Đảng bộ tiếp tục chỉ đạo, tổ chức các hợp tác xã bước vào Cuộc vận động Cải tiến quản lý hợp tác xã và cải tiến kỹ thuật lần thứ hai (vòng 2) theo Chỉ thị số 107-CT/TW và số 108-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng nhằm tạo ra cao trào phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện. Hơn 90% đất canh tác và những tư liệu sản xuất chủ yếu đều thuộc quyền sở hữu tập thể, quyền làm chủ hợp tác xã thuộc về xã viên. Bên cạnh đó, Đảng bộ đã chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ Ban Chủ nhiệm các hợp tác xã. Trong 2 năm 1965 - 1966, Đảng bộ đã chỉ đạo và cử hơn 20 cán bộ, đảng viên trong Ban Chủ nhiệm, đội trưởng, đội phó, tổ chuyên môn kỹ thuật đi học bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh tế ở huyện.

Thông qua củng cố, xây dựng và cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, chất lượng hoạt động của hợp tác xã từng bước được nâng lên. Công tác xây dựng kế hoạch sản xuất hằng năm và các biện pháp 3 quán, 3 khoán được thực

hiện chặt chẽ trong các đội sản xuất. Bình quân từ năm 1967 - 1975, mỗi xã viên thực hiện được 250 - 300 ngày công/năm. Mỗi năm, toàn xã đã đầu tư trên 1 vạn ngày công làm thuỷ lợi. Đến năm 1966, toàn xã đã sửa chữa, tu bổ được khoảng 20 phai đập, khoảng 30 cọn dẫn nước, bảo đảm chắc chắn tưới tiêu cho 50ha lúa. Các biện pháp khoa học kỹ thuật được áp dụng ở 100% các đội sản xuất như: Cây sâu, bừa kỹ, làm cỏ, bón phân chuồng, phân xanh, phân hoá học, xử lý giống và sử dụng các giống lúa như Nông nghiệp 8, Trân Châu Lùn, Đài Bắc 8. Nhờ vậy, năng suất lúa từ 2,2 tấn/ha (1965) tăng lên 3,8 tấn/ha (1967), hơn 4 tấn/ha (1974). Tổng sản lượng quy thóc toàn xã năm 1967 đạt trên 100 tấn, năm 1970 đạt gần 120 tấn, năm 1975 đạt khoảng 130 tấn.

Các loại hoa màu khác như: Ngô, khoai, sắn, đậu, lạc, vừng... được các hộ xã viên tích cực trồng và chăm sóc nên sản lượng hằng năm đạt khá, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân. Năm 1971, hưởng ứng phong trào trồng sắn do Tỉnh ủy phát động, xã viên và các tầng lớp nhân dân trong xã đã tận dụng đất đai, khai phá đồi hoang trồng được trên 5.000 gốc sắn.

Về chăn nuôi, thực hiện Nghị quyết số 45 của Tỉnh ủy (tháng 4.1968) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII tháng 9 năm 1967 về phát triển chăn nuôi toàn diện, toàn xã luôn duy trì và đẩy mạnh các hình thức chăn nuôi giữa tập thể và các hộ gia đình xã viên. Từ năm 1965 đến năm 1975, đàn trâu bình quân mỗi năm tăng khoảng

10 - 15%. Năm 1967, toàn xã có khoảng 300 con trâu, năm 1975 có khoảng gần 400 con. Đàn lợn bình quân mỗi năm tăng từ 10 - 15%, chủ yếu ở các hộ gia đình xã viên. Năm 1965 toàn xã có gần 600 con lợn, trong đó có khoảng 50 con lợn nái, đạt bình quân từ 2 - 3 con/hộ, 3 - 4ha gieo trồng. Đàn gia cầm trong xã thường xuyên duy trì được từ 5.000 đến 7.000 con. Bình quân mỗi năm xã Lương Hạ bán cho Nhà nước từ 5 - 10 tấn thực phẩm, chủ yếu là thịt lợn hơi, gà, vịt, ngan, ngỗng. Tuy nhiên, các hoạt động chăn nuôi của hợp tác xã và hộ xã viên còn chưa chủ động phòng chống dịch bệnh, chưa áp dụng các biện pháp khoa học trong chăm sóc, bảo vệ để cho năng suất cao.

Trong điều kiện chiến tranh, hoạt động của hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng được tăng cường hơn thời kỳ trước cả về vốn, hàng hoá và điểm phục vụ. Hợp tác xã mua bán đã tích cực thu mua, tiếp nhận và phân phối hàng hoá, phục vụ đắc lực cho các hoạt động sẵn sàng chiến đấu, lao động sản xuất, học tập, công tác của quân và dân trong xã. Do kinh tế phát triển, đời sống của nhân dân được nâng lên, sức mua của đồng bào hằng năm tăng bình quân từ 10 - 15%.

Như vậy, trong phát triển kinh tế mà chủ yếu là nông nghiệp, xã Lương Hạ đã đạt thành tích nổi bật đó là: Nông nghiệp phát triển toàn diện trong quan hệ sản xuất, phân phối sản phẩm, cả về trồng trọt và chăn nuôi, đảm bảo yêu cầu số 1 là cung cấp lương thực, thực phẩm cho đời sống nhân dân và làm nghĩa vụ đầy đủ cho Nhà nước.

Đây là thành công to lớn của Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ trong chuyển hướng phát triển kinh tế từ thời bình sang thời chiến.

Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá tiếp tục phát triển trong chiến tranh. Ngành Giáo dục có số học sinh phổ thông ở cả 3 cấp đều tăng trung bình từ 10 - 15%. Năm 1967, tổng số học sinh ở cả 3 cấp (I, II, III) toàn xã có khoảng 100 em; năm 1975 có khoảng 200 em. Toàn bộ các khu trường học đều có đủ hầm hào trú ẩn cho học sinh và giáo viên. Tỷ lệ lên lớp và chuyển cấp bình quân hằng năm đều đạt trên 80%. Phong trào bổ túc văn hoá tiếp tục được duy trì ở các đội sản xuất và thôn, số học viên đến lớp đạt trên 80% theo kế hoạch của các đội sản xuất và thôn.

Công tác thông tin văn hoá tiếp tục được tăng cường thêm một bước, kịp thời tuyên truyền các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cổ vũ động viên phong trào vừa sản xuất vừa chiến đấu của quân và dân trong xã. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao thường xuyên được tổ chức trong các chi đoàn thanh niên, nhà trường nhân các ngày lễ tết, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Hoạt động văn hóa, văn nghệ trong những năm 1965 đến năm 1975, xã Lương Hạ đã tổ chức gần 30 buổi biểu diễn với những vở kịch, tiết mục tự biên và những giọng hát "cây nhà lá vườn" với tinh thần tiếng hát át tiếng bom cho hàng nghìn quần chúng trong xã và các xã bạn thưởng thức, góp phần nâng cao đời sống tinh thần nhân dân.

Về công tác y tế, Đảng bộ đã kịp thời chỉ đạo ngành Y tế trong xã chuyển hướng theo yêu cầu thời chiến một cách tích cực, khẩn trương. Trạm y tế xã được tăng cường thêm một số vật tư y tế như: Băng, băng, thuốc đỏ, nẹp, cáng tải thương, thuốc kháng sinh, đồng thời thành lập các tổ cấp cứu phòng không ở các thôn bản, 2 tổ ở trường học, 1 tổ ở trụ sở Ủy ban hành chính xã. Hằng năm, cán bộ y tế đã tổ chức từ 1 đến 2 lần phổ biến, hướng dẫn cho hàng trăm lượt học sinh và nhân dân phương pháp băng bó, cấp cứu phòng không, góp phần quan trọng bảo đảm cho các hoạt động thời chiến. Cùng với việc chăm lo khám, chữa bệnh cho nhân dân kịp thời, không để xảy ra những thiếu sót về trách nhiệm người lương y. Cán bộ Trạm Y tế còn tích cực phối hợp với Ban Thông tin văn hoá, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Ban Chủ nhiệm hợp tác xã tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân, học sinh thực hiện các biện pháp vệ sinh phòng bệnh, ốm đau phải dùng thuốc chữa bệnh, giảm bớt các hiện tượng cúng bái, thầy mo, thầy tà... góp phần vào thành tích chung của huyện về giáo dục, cải tạo thầy mo, thầy tà. Đặc biệt, phong trào 3 dứt điểm (3 công trình: Giếng nước, nhà tắm, hố vệ sinh 2 ngăn) được đông đảo các tầng lớp xã viên, nhân dân thực hiện và đạt kết quả tốt. Đến cuối năm 1973, phong trào 3 dứt điểm ở xã Lương Hạ cơ bản hoàn thành, phong trào xây dựng nếp sống khoa học, văn minh, vệ sinh phòng bệnh được thực hiện phổ biến trong các tầng lớp nhân dân và học sinh. Đây là một thành công

lớn của Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ trong việc cải thiện, nâng cao đời sống sinh hoạt và sức khoẻ cho nhân dân, tạo môi trường trong sạch và văn minh trong cả cộng đồng.

Vượt qua bao khó khăn thử thách trong hoàn cảnh thời chiến, Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc xã Lương Hạ vẫn luôn nêu cao ý chí quyết tâm phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, nỗ lực phấn đấu xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, vừa sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, vừa tích cực chi viện cho tiền tuyến lớn. Các lĩnh vực xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội về cơ bản tiếp tục được duy trì ổn định, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiếp tục được củng cố, phát triển, một số mặt như sản xuất lương thực, thực phẩm, giáo dục có bước phát triển nhanh. Những nhu cầu thiết yếu trong đời sống vật chất và tinh thần của quân và dân trong xã được đảm bảo. Đây là những cơ sở vững chắc để Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang có đủ khả năng sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1965, từ thời bình chuyển sang thời chiến, Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ đã nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 11, tháng 3 năm 1965 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nghị quyết của Quân khu ủy Việt Bắc và chỉ thị của Tỉnh ủy về Cuộc vận động "Xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ".

Từ thực tế của địa phương và trên cơ sở đã được chuẩn bị một bước căn bản về tiềm lực và thế trận, về ý chí quyết tâm sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho tiền tuyến. Đảng bộ xã Lương Hạ đã tập trung lãnh đạo quân và dân trong xã tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh phong trào thi đua “Tay cày, tay súng”, “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang” trong lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ, Ủy ban hành chính xã đã chỉ đạo Ban Chỉ huy Xã đội, Ban Công an xã tổ chức kiểm tra công tác sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn trật tự trị an, duyệt và phê chuẩn các kế hoạch, phương án huy động nhân lực, vật lực ở hợp tác xã và ở các thôn bản.

Để sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn trật tự trị an thôn bản, Đảng bộ xác định phải chủ động thực hiện tốt công tác phòng không nhân dân, đây là một mặt quan trọng trong công tác bảo vệ mình và sẵn sàng chiến đấu. Vì vậy, Đảng bộ, Ủy ban, Mặt trận và các đoàn thể đã tổ chức nhiều buổi học tập, quán triệt Nghị quyết hội nghị phòng không cho các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, chỉ đạo, tổ chức lực lượng dân quân, xã viên, học sinh tích cực đào hầm hào phòng tránh cho người và tài sản. Trong 4 năm (1965 - 1968), lực lượng dân quân, xã viên, thầy, cô giáo và học sinh ở Lương Hạ đã đào đắp hàng trăm mét khối đất đá, chặt hàng nghìn cây tre, mai, gỗ, nứa, v.v.. xây dựng được khoảng 200 hầm chữ A, khoảng

2km giao thông hào có nắp, 4km giao thông hào không có nắp ở những nơi công cộng, trên 300 hố cá nhân, trong đó có 30% có nắp bằng rơm, dạ bện dày, chắc chắn. Các hoạt động sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt, mua bán, trao đổi chuyển về sáng sớm, chiều tối và ban đêm. Nhờ làm tốt công tác phòng tránh nên trong suốt những năm tháng chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, mọi hoạt động ở xã Lương Hạ vẫn luôn duy trì ổn định, quân và dân xã Lương Hạ luôn chủ động, bình tĩnh và tự tin. Xã viên vẫn ra đồng, lên nương sản xuất, các cụ phụ lão vẫn tích cực trồng cây, chăm cây, thầy giáo và học sinh vẫn đội mũ rơm tíu tíu đến trường.

Trong công tác giữ gìn trật tự trị an xã hội, Ban Công an xã đã thường xuyên chủ động tham mưu với Đảng bộ, chính quyền xã đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an và phòng gian bảo mật, xây dựng các nội dung quy ước về trật tự trị an trong xã và thôn bản. Kết hợp chặt chẽ với Xã đội, Ban Công an xã đã chỉ đạo, tổ chức thành lập các đội bảo vệ, đội phòng cháy, chữa cháy do các đồng chí công an viên các thôn bản làm đội trưởng. Các thôn bản đều có quy định về khai báo người đi vắng và người lạ mặt (tạm trú, tạm vắng, thống kê, lập sổ hộ tịch trong các gia đình. Đồng thời tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân triệt để thực hiện khẩu hiệu 3 không (không biết, không nghe, không thấy) để chống hoạt động tình báo, gián điệp của địch. Do có sự lãnh đạo, chỉ đạo

chặt chẽ của Đảng bộ và những cố gắng của Ban Công an, lực lượng dân quân và nhân dân, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong xã luôn được giữ vững. Tiêu biểu trong phong trào bảo vệ trật tự trị an thôn bản trong thời kỳ này là nhân dân và công an viên ở phố Yến Lạc, Đồn Tắm.

Về xây dựng lực lượng và sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Căn cứ vào Nghị quyết của Đảng bộ và sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Huyện đội, lực lượng vũ trang xã Lương Hạ thường xuyên được củng cố, kiện toàn về mọi mặt, được tăng cường về chất lượng chính trị làm cơ sở nâng cao chất lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Ban Chỉ huy Xã đội đã tham mưu với Đảng bộ, Ủy ban hành chính xã, đồng thời trực tiếp tổ chức xây dựng lực lượng dân quân, xây dựng các phương án tác chiến, bố trí đội hình, sử dụng lực lượng. Từ năm 1965, lực lượng dân quân toàn xã có trên 100 cán bộ, chiến sĩ; tỷ lệ đảng viên chiếm khoảng 7%, đoàn viên, thanh niên chiếm hơn 80%. Các hoạt động học tập chính trị, huấn luyện quân sự cho cán bộ, chiến sĩ, dân quân được tổ chức nghiêm túc theo đúng nội dung, chương trình quy định của cấp trên, quân số thường xuyên đạt trên 98%. Kết quả huấn luyện hằng năm đều đạt yêu cầu, trong đó có 30% tiểu đội, trung đội, cá nhân đạt khá, giỏi. Các chế độ trực chiến sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu được thực hiện nghiêm túc 24/24 giờ.

Giữa năm 1966, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”¹, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn phát động phong trào thi đua “Thanh niên tòng quân chống Mỹ, cứu nước”, ngay từ cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 1966, gần 200 đảng viên, đoàn viên thanh niên, cán bộ, chiến sĩ dân quân xã Lương Hạ đã hăng hái ghi tên xung phong lên đường đánh Mỹ. Một cao trào “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” dâng lên mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân ở xã Lương Hạ. Năm 1966, Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ đã cử hơn 20 thanh niên trẻ khoẻ lên đường cầm súng chống Mỹ, cứu nước. Năm 1967, hơn 10 cán bộ, đảng viên, đoàn viên ưu tú ở xã Lương Hạ tiếp tục xung phong lên đường giết giặc. Ngày lên đường nhập ngũ của tân binh, Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể nhân dân và người thân đã tổ chức gặp mặt, nhắc nhở, dặn dò anh em lên đường phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, quyết tâm “đánh tan giặc Mỹ mới về quê hương”.

Trong quá trình tuyển quân, cùng với việc tăng cường công tác giáo dục thanh niên và nhân dân về trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, Đoàn Thanh niên đã đẩy mạnh phong trào “Ba sẵn sàng”; Hội Phụ nữ đẩy mạnh phong trào “Ba đảm đang”; ngành Y tế đưa cán bộ xuống cơ sở khám tuyển; ngành Thương binh - Xã hội đẩy mạnh việc thực hiện chính sách hậu phương Quân đội; cơ quan quân sự, công an tăng cường các biện pháp giáo dục, động viên

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 108.

những người còn do dự, thoái thác, đào ngũ. Khi anh em lên đường nhập ngũ, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự, công an, các ban ngành, đoàn thể từ các thôn bản đến xã đã tập trung đầy đủ, nhanh chóng hoàn tất mọi thủ tục, giấy tờ... giao quân có chất lượng, nhanh gọn với tinh thần “quân không thiếu một người”. Bên cạnh đó, Ban Chỉ huy Xã đội đã tham mưu với Đảng bộ, Ủy ban đồng thời trực tiếp tổ chức đăng ký, thống kê, quản lý, nắm chắc lực lượng dự bị, sẵn sàng khi có lệnh là lên đường bổ sung cho các đơn vị bộ đội.

Năm 1968, quân và dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 vào tận xào huyết của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang đánh phá miền Bắc. Ngày 1 tháng 11 năm 1968, đế quốc Mỹ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Năm 1969, thực hiện tổng kết 5 năm (1965 - 1969) công tác động viên tuyển quân theo chỉ thị của cấp trên, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, các ban, ngành, đoàn thể trong xã đã tổ chức quán triệt, học tập sâu sắc những nội dung tổng kết từ khi có Luật Nghĩa vụ quân sự thời chiến (4.1965) và lệnh động viên cục bộ của Nhà nước (tháng 5.1965). Xã Lương Hạ là một địa bàn miền núi, đời sống kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể đã thường xuyên giáo dục chính trị, tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân về truyền thống yêu nước và cách mạng của quê

hương, về nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước. Bên cạnh đó, bằng nhiều chính sách và biện pháp đồng bộ của Đảng, Nhà nước, sự vận dụng sáng tạo của Đảng bộ trong mọi hoạt động của địa phương nên chính sách hậu phương Quân đội ở xã Lương Hạ đã mang tính xã hội hoá cao, được toàn dân chăm lo, tổ chức thực hiện. Các gia đình chính sách, gia đình bộ đội được Đảng bộ, chính quyền, hợp tác xã, nhân dân, lực lượng vũ trang thường xuyên chăm lo giúp đỡ về công lao động, điều hoà lương thực, thực phẩm, thăm hỏi khi ốm đau. Hội mẹ chiến sĩ gồm 12 tổ và 12 tổ vợ bộ đội của 12 thôn trong xã luôn là những tập thể điển hình, gương mẫu đi đầu tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chính sách hậu phương Quân đội. Con em các gia đình thương binh, gia đình bộ đội được quan tâm, được thầy cô giáo chăm lo giáo dục, đào tạo, được ưu tiên xét duyệt đi học các trường trong nước và nước ngoài hoặc tuyển dụng vào các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước. Hơn 30% số anh em thương binh, bệnh binh, hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương còn sức khoẻ và năng lực được bố trí công tác hoặc việc làm hợp lý. Hằng năm, Đảng bộ, chính quyền, xã đội đã kịp thời tổ chức trao tặng các gia đình bộ đội Bằng vàng danh sự, Bằng gia đình vẻ vang, tổ chức truy điệu liệt sĩ trang nghiêm thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" đối với các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì nền độc lập tự do của Tổ quốc. Những việc làm đó đã có tác dụng to lớn củng cố niềm tin cho các gia đình, người mẹ,

người vợ, người thân ở hậu phương và làm yên lòng người ở tiền tuyến. Nhờ vậy, hàng trăm người mẹ, người vợ, người chị ở xã Lương Hạ đã tích cực động viên người thân tiếp tục lên đường ra mặt trận. Trên chiến trường, các con em của xã Lương Hạ đã kiên cường, dũng cảm chiến đấu tiêu diệt quân thù, góp phần giải phóng miền Nam. Nhiều đồng chí đã được tặng Huân chương Chiến công, “Dũng sĩ diệt Mỹ” và cũng có hàng chục đồng chí đã anh dũng hy sinh hoặc hy sinh một phần xương máu vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Với truyền thống yêu nước và cách mạng, lòng căm thù giặc sâu sắc và do thực hiện tốt chính sách hậu phương Quân đội; trong 5 năm (1965 - 1969), Đảng bộ, chính quyền, quân và dân xã Lương Hạ còn cử gần 20 cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên ưu tú lên đường tham gia các đội thanh niên xung phong bảo đảm giao thông, vận chuyển hàng hoá, phục vụ chiến đấu. Kết quả đó thể hiện sự phấn đấu nỗ lực của Đảng bộ trong việc chấp hành, vận dụng sáng tạo đường lối quân sự, quan điểm chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện của Đảng. Đây là kết quả của công tác giáo dục, tuyên truyền, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong xây dựng lực lượng vũ trang và thể hiện lòng yêu nước, truyền thống cách mạng, ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội của quân và dân xã Lương Hạ.

Giữa lúc Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ đang tập trung mọi nỗ lực đẩy mạnh phong trào thi đua lao động

sản xuất, học tập, công tác, sẵn sàng chiến đấu và tích cực chi viện cho tiền tuyến thì một tổn thất vô cùng lớn lao đến với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta: 9 giờ 47 phút, ngày 2 tháng 9 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta qua đời tại Hà Nội, thọ 79 tuổi. Cùng với nhân dân cả nước và bầu bạn thế giới, Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ đau thương vô hạn. Trong những ngày này, ở trụ sở Ủy ban hành chính xã và hầu hết các gia đình đều treo cờ rủ có dải băng đen. Sáng ngày 6 tháng 9 năm 1969, Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức trọng thể tại Ủy ban hành chính xã, tại phố Yên Lạc. Thay mặt cho Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong xã, đồng chí Bế Hữu Thành - Bí thư Đảng bộ xã đọc diếu văn, nguyện hứa trung thành và kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, phong trào thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu lập công đền ơn Bác được phát động và diễn ra sôi nổi và đều khắp trong toàn xã.

Từ cuối năm 1969, đầu năm 1970, Đảng bộ tiếp tục tập trung lãnh đạo quân và dân trong xã đẩy mạnh các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, “Diếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng” và Cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh”. Thông qua học tập, sinh hoạt chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã hiểu rõ hơn

đạo đức, phẩm chất, tác phong, lối sống và công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc. Mọi người càng tăng cường đoàn kết, nhất trí, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đối với thanh niên, Đảng bộ đã chỉ đạo Ban Chấp hành Đoàn cơ sở và các chi đoàn tổ chức cho đoàn viên, thanh niên học tập, nghiên cứu những vấn đề cơ bản về Đảng Lao động Việt Nam, về nhiệm vụ của lực lượng vũ trang địa phương. Đặc biệt, là việc tổ chức nhiều đợt học tập, quán triệt cho đoàn viên, thanh niên Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc Đoàn thanh niên được mang tên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh và thực hiện khẩu hiệu hành động: “Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại!”.

Cũng trong thời gian này, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện chính sách hậu phương Quân đội, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể trong xã đã phát động toàn dân tăng cường các hoạt động chăm sóc, giúp đỡ các gia đình đối tượng chính sách và đề ra các biện pháp cụ thể bảo đảm các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương đến tay các gia đình, đối tượng chính sách đúng thời gian và đầy đủ như: Tiền trợ cấp của Nhà nước, đóng góp công sức, vật liệu sửa chữa nhà ở, thăm hỏi, chăm sóc khi ốm đau. Bên cạnh đó, Đảng bộ, chính quyền đã ban hành các quy chế kiểm tra, giám

sát, xử lý nghiêm những trường hợp tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, vi phạm quyền lợi các gia đình, đối tượng chính sách. Nhờ vậy, công tác động viên tuyển quân ở xã Lương Hạ thường xuyên đạt kết quả tốt. Từ năm 1970 đến năm 1972, quân và dân xã Lương Hạ đã cử trên 10 thanh niên, trong đó có 2 nữ lên đường cầm súng giết giặc. Các hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện cho tiền tuyến được toàn thể nhân dân hăng hái thực hiện.

Từ cuối năm 1970 đến năm 1972, thực hiện sự chỉ đạo của cơ quan quân sự huyện, Đảng bộ, chính quyền xã Lương Hạ tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền rộng rãi trong các đơn vị dân quân tự vệ và các tầng lớp nhân dân nâng cao cảnh giác, tăng cường các lực lượng, sẵn sàng đối phó thắng lợi với các âm mưu, thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ, nhất là sau vụ máy bay Mỹ tập kích vào trại giam giặc lái Mỹ ở Sơn Tây hồi tháng 11 năm 1970. Nhờ vậy, tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu của lực lượng vũ trang xã Lương Hạ được tăng cường hơn một bước. Các trung đội, tiểu đội, tổ chuyên môn được chấn chỉnh, kiện toàn thêm về tổ chức, biên chế. Lực lượng sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trực chiến được tăng cường. Hàm hào, công sự được tu sửa và làm mới chắc chắn. Số cán bộ xã đội, trung đội được tập huấn, bồi dưỡng những nội dung về huấn luyện quân sự, động viên tuyển quân, đăng ký quân dự bị, thể trận chiến tranh nhân dân theo các phương án, kế hoạch được phê duyệt.

Năm 1971, Xã đội đã tham mưu cho Đảng bộ, Ủy ban hành chính xã lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch động viên thời chiến cả về nhân lực, tài lực, vật lực. Đồng thời chỉ đạo các trung đội, tiểu đội dân quân, các thôn bản và toàn xã diễn tập thực binh động viên quân dự bị và các cơ sở vật chất mang theo đạt kết quả tốt, quân số bảo đảm trên 95%.

Để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và trước tình hình lực lượng vũ trang địa phương ngày càng phát triển, ngày 12 tháng 10 năm 1971, Chính phủ ra Quyết định số 192/CP về việc đổi tên cơ quan quân sự địa phương. Thành phố trực thuộc Trung ương gọi là Bộ Tư lệnh. Cấp tỉnh đổi thành Bộ Chỉ huy Quân sự; thành phố thuộc tỉnh, thị xã, khu phố, huyện đổi thành Ban Chỉ huy Quân sự; cấp xã là Ban Chỉ huy. Các chức danh Tỉnh đội trưởng, Huyện đội trưởng, Xã đội trưởng thành Chỉ huy trưởng. Ban Chỉ huy Quân sự xã Lương Hạ do đồng chí Hoàng Văn Phát làm Chỉ huy trưởng.

Năm 1972, ở miền Nam, các lực lượng vũ trang và nhân dân mở các chiến dịch lớn tiến công Mỹ - ngụy trên khắp các chiến trường, phá vỡ nhiều tuyến phòng ngự mạnh nhất của địch. Cuộc đọ sức trên cả 3 mặt trận: Quân sự, chính trị, ngoại giao giữa ta và địch đang tạo ra một cục diện chiến tranh mới hết sức thuận lợi cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ngày 6 tháng 4 năm 1972, đế quốc Mỹ ra lệnh cho các lực lượng không quân, hải quân ném bom, bắn phá ác liệt nhiều vùng từ Vĩnh Linh,

Quảng Bình đến Lạng Sơn, chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Trước tình hình mới, các lực lượng vũ trang miền Bắc chuyển lên trạng thái sẵn sàng chiến đấu toàn bộ. Ngày 11 tháng 4 năm 1972, Chính phủ ta ra tuyên bố: “Không một sức mạnh tàn bạo nào, không một sự đe dọa láo xược nào lay chuyển được quyết tâm của nhân dân Việt Nam chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc”. Tiếp đó, ngày 16 tháng 4 năm 1972, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi: “Các lực lượng vũ trang hãy dũng cảm xông lên liên tục chiến đấu giết giặc cứu nước”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và lời tuyên bố của Chính phủ, chấp hành mệnh lệnh chiến đấu và các chỉ thị của cấp trên, Đảng bộ xã Lương Hạ đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân trong xã chuyển toàn bộ mọi hoạt động sang thời chiến. Ban Chỉ huy Quân sự xã đã nhanh chóng chỉ huy, tổ chức lực lượng vũ trang triển khai các phương án, kế hoạch tác chiến, sẵn sàng nổ súng đánh trả máy bay địch. Lực lượng dự bị, dân quân rộng rãi cùng nhân dân đẩy mạnh sản xuất, tuần tra canh gác giữ gìn trật tự trị an, sửa chữa hầm hào phòng tránh và luyện tập khắc phục hậu quả sự đánh phá của địch. Trường học, hạp chợ, cửa hàng mua bán, v.v.. cũng thay đổi thời gian làm việc và phục vụ chủ yếu vào buổi chiều tối, tránh tập trung đông người.

Cùng với các phong trào thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, thực hiện chủ trương của cấp trên,

Đảng bộ, Ủy ban đã phát động phong trào: “Mở hội tòng quân”, “Toàn dân đánh Mỹ”, “Trao gậy Trường Sơn” trong toàn thể lực lượng vũ trang và nhân dân. Hưởng ứng các phong trào do Đảng bộ phát động, đông đảo cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên đã hăng hái xung phong ghi tên sẵn sàng lên đường nhập ngũ. Ngay trong đợt tuyển quân tháng 4 năm 1972, toàn xã đã có khoảng 5 thanh niên trúng tuyển lên đường chi viện cho chiến trường miền Nam. Tháng 8 năm 1972, 15 cán bộ, đoàn viên thanh niên tiếp tục lên đường chiến đấu.

Năm 1972, chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ diễn ra ác liệt nhất trên miền Bắc, đặc biệt là chiến dịch tập kích chiến lược bằng máy bay B-52 vào Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, v.v.. Cuối tháng 12 năm 1972. Nhưng cuối cùng, chúng đã bị trừng trị đích đáng bằng trận “Điện Biên Phủ trên không”. Cùng với thắng lợi trên chiến trường miền Nam, Chính phủ Mỹ buộc phải đề nghị Chính phủ ta họp lại Hội nghị đàm phán hoà bình ở Pari (Pháp). Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết gồm 9 chương, 23 điều. Hiệp định có hiệu lực từ 7 giờ ngày 28 tháng 1 năm 1973.

Sau gần 8 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, huyện Na Rì nói chung và xã Lương Hạ nói riêng luôn là một bộ phận quan trọng của cuộc chiến tranh nhân dân chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặc dù là

địa phương không bị địch trực tiếp bắn phá nhưng các hoạt động chuẩn bị chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong xã vẫn diễn ra kịp thời, khẩn trương, chủ động, bình tĩnh và tự tin.

Trong các năm 1973 - 1974, để đáp ứng yêu cầu của lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức quân và dân trong xã thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, hăng hái thi đua lao động sản xuất, học tập, công tác, nâng cao cảnh giác cách mạng, xây dựng tiềm lực quốc phòng, tiếp tục động viên sức người, sức của cho tiền tuyến và thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Công tác củng cố, xây dựng lực lượng dân quân sẵn sàng chiến đấu được tăng cường cả số lượng, chất lượng. Năm 1973, lực lượng dân quân toàn xã có gần 200 cán bộ, chiến sĩ, chiếm gần 20% tổng dân số toàn xã. Các nội dung, chương trình học tập chính trị, huấn luyện quân sự được tổ chức nghiêm túc theo đúng quy định của cấp trên, quân số đạt 95%. Qua kiểm tra, đánh giá chất lượng, 100% cá nhân đạt yêu cầu, trong đó có 40% đạt khá, giỏi. Số trung đội, tiểu đội đạt khá, giỏi chiếm hơn 30%. Trong 2 năm 1973 - 1974, hơn 10 người con ưu tú của nhân dân xã Lương Hạ tiếp tục lên đường đi giải phóng miền Nam. Tháng 4 năm 1975, Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ lại cử tiếp 5 cán bộ, đoàn viên thanh niên lên đường nhập ngũ.

Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, 11 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 4 năm 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vô cùng oanh liệt, hào hùng của dân tộc kéo dài 21 năm.

Sáng ngày 1 tháng 5 năm 1975, các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang xã Lương Hạ đã nô nức, nhộn nhịp mang cờ đỏ sao vàng hoà vào dòng người ở phố Yến Lạc. Mọi người đều hân hoan, phấn khởi tưng bừng tham dự mít tinh, diễu hành chào mừng miền Nam giải phóng, Tổ quốc thống nhất.

Trải qua 21 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Huyện ủy Na Rì và Chi bộ, Đảng bộ xã Bình Minh - Lương Hạ, quân và dân trong xã rất tự hào, vinh dự vì đã có những đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Từ năm 1954 đến năm 1975, Chi bộ, Đảng bộ, quân và dân xã Bình Minh - Lương Hạ đã luôn luôn quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương, đồng thời phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, từng bước phấn đấu xây dựng đời sống vật chất và tinh thần, vừa bảo đảm ổn định đời sống, xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chi viện đắc lực sức người,

sức của cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ đến ngày toàn thắng. Trong 21 năm, Chi bộ, Đảng bộ, quân và dân xã Bình Minh - Lương Hạ đã cử gần 200 cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên ưu tú lên đường chống Mỹ, cứu nước với ý chí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, trong đó đã có 16 người con của quê hương đã anh dũng hy sinh. Toàn xã đã đóng góp cho Nhà nước gần 150 tấn lương thực, hơn 80 tấn thực phẩm các loại, trong đó có nhiều năm hoàn thành vượt mức chỉ tiêu trên giao.

Với những thành tích xứng đáng đóng góp cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương, Đảng bộ, quân và dân xã Lương Hạ đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng gần 200 Huân chương, Huy chương Kháng chiến các hạng cùng hàng trăm bằng khen, giấy khen của các cấp.

Trải qua quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị, Chi bộ, Đảng bộ xã Bình Minh - Lương Hạ đã không ngừng vươn lên tự hoàn thiện để khẳng định chính mình. Trong đó công tác xây dựng Chi bộ, Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện đảng viên trở thành những người “vừa hồng vừa chuyên” được chú trọng thường xuyên để có năng lực, kiến thức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và triển khai, tổ chức, đưa đường lối, chính sách của Đảng vào cuộc sống. Công tác phát triển Đảng viên luôn được tăng cường về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên trong công tác giáo dục,

rèn luyện đảng viên, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã vẫn còn có những hạn chế, yếu kém. Song, những mặt mạnh, mặt yếu đó đều là những bài học quý báu để Chi bộ, Đảng bộ xã Lương Hạ (sau này) rút kinh nghiệm, tự chỉnh đốn phấn đấu vươn lên, xứng đáng là nhân tố quyết định lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi của quân và dân xã Lương Hạ trong giai đoạn cách mạng mới: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.